

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC GIANG
TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 4

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

BẮC GIANG - 2020

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC GIANG
TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 4

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đức Thiệu	Hiệu trưởng	CT Hội đồng	
2	Đỗ Thị Thanh Thương	PHT	Phó CT Hội đồng; Nhóm trưởng Nhóm 5	
3	Nguyễn Đức Thiện	PHT	Phó CT Hội đồng; Nhóm trưởng Nhóm 3	
4	Nguyễn Văn Xuyên	TKHĐ	Nhóm trưởng Nhóm 1	
5	Dương Mạnh Hùng	TTCM	Nhóm trưởng Nhóm 2	
6	Lê Duy Thìn	TTCM	Nhóm trưởng Nhóm 4	
7	Nguyễn Văn Ngọc	BTĐT	Thư ký Nhóm 1	

8	Nguyễn Thị Hạ	TTCM	Thư ký Nhóm 2	
9	Đỗ Thị Hương	Giáo viên	Thư ký Nhóm 3	
10	Đặng Văn Tư	Kế toán	Thư ký Nhóm 4	
11	Trần Thị Nền	TPCM	Thư ký Nhóm 5	
12	Ngô Trọng Bình	TTCM	Thành viên Nhóm 1	
13	Nguyễn Thị Lan	TTCM	Thành viên Nhóm 1	
14	Nguyễn Thị Phương Lan	CTCĐ	Thành viên Nhóm 2	
15	Nghiêm Thị Ngọc Thương	TTCM	Thành viên Nhóm 3	
16	Nguyễn Đức Tập	TTCM	Thành viên Nhóm 4	
17	Thân Thị Mên	Văn thư	Thành viên Nhóm 5	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	<u>6</u>
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	<u>9</u>
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	<u>12</u>
1. Số lớp	<u>12</u>
2. Số phòng học	<u>12</u>
3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	<u>14</u>
4. Học sinh	<u>15</u>
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	<u>18</u>
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	<u>18</u>
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	<u>22</u>
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	<u>22</u>
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	<u>22</u>
Mở đầu	<u>22</u>
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	<u>22</u>
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	<u>25</u>
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	<u>27</u>
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	<u>31</u>
Tiêu chí 1.5: Lớp học.	<u>34</u>
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	<u>36</u>
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	<u>38</u>
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	<u>41</u>
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	<u>43</u>
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	<u>46</u>

Comment [Huong dan1]: Để cập nhật số trang trong "Mục Lục" bấm tổ hợp phím [Ctrl]+A để chọn toàn bộ nội dung, sau đó bấm phím chức năng [F9].
(Chú ý: Để tắt Comment bấm chuột phải vào ô hướng dẫn chọn Delete Comment.)

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	<u>49</u>
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	<u>50</u>
Mở đầu	<u>50</u>
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	<u>50</u>
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	<u>53</u>
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	<u>57</u>
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	<u>60</u>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	<u>63</u>
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	<u>64</u>
Mở đầu	<u>64</u>
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.	<u>64</u>
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.	<u>67</u>
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.	<u>69</u>
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	<u>71</u>
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.	<u>74</u>
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	<u>77</u>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	<u>79</u>
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	<u>80</u>
Mở đầu	<u>80</u>
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	<u>80</u>
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	<u>83</u>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	<u>86</u>
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	<u>87</u>
Mở đầu	<u>87</u>
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.	<u>87</u>
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	<u>91</u>
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	<u>93</u>

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	95
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.	96
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	99
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	102
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	103
Tiêu chí 1	103
Tiêu chí 2	103
Tiêu chí 3	103
Tiêu chí 4	103
Tiêu chí 5	103
Tiêu chí 6	103
<i>Kết luận</i>	103
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	103
Phần IV. PHỤ LỤC	105

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	ATGT	An toàn giao thông
2	ƯDCNTT	Ứng dụng công nghệ thông tin
3	BCH	Ban chấp hành
4	BDD CMHS	Ban đại diện cha mẹ học sinh
5	BGH	Ban giám hiệu
6	CBGV, NV	Cán bộ giáo viên, nhân viên
7	CC, VC	Công chức, viên chức
8	CLB	Câu lạc bộ
9	CMHS	Cha mẹ học sinh
10	CSVC	Cơ sở vật chất
11	ĐTNCS HCM	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
12	GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
13	GDCD	Giáo dục công dân
14	GDTX	Giáo dục thường xuyên
15	GDTX-DN	Giáo dục thường xuyên - dạy nghề
16	GV	Giáo viên
17	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
18	GVCNLG	Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi
19	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
20	HĐ	Hội đồng
21	HĐNGLL	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp
22	HĐTV	Hội đồng tư vấn

23	HK	Hạnh kiểm
24	HL	Học lực
25	HS	Học sinh
26	HSG	Học sinh giỏi
27	KĐCL	Kiểm định chất lượng
28	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
29	KHKT	Khoa học kỹ thuật
30	KHTN	Khoa học tự nhiên
31	KHXH	Khoa học xã hội
32	KNS	Kĩ năng sống
33	LĐTT	Lao động tiên tiến
34	NGCK	Ngoài giờ chính khoá
35	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
36	PHHS	Phụ huynh học sinh
37	PPDH	Phương pháp dạy học
38	SGK	Sách giáo khoa
39	SHCM	Sinh hoạt chuyên môn
40	TBDH	Thiết bị dạy học
41	TBĐD	Thiết bị đồ dùng
42	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
43	TDTT	Thể dục thể thao
44	TĐG	Tự đánh giá
45	THPT	Trung học phổ thông
46	TKB	Thời khóa biểu
47	TL	Tỷ lệ

48	TTATXH	Trật tự an toàn xã hội
49	UBND	Ủy ban nhân dân
50	VHVN	Văn hóa văn nghệ
51	VHVN-TDĐT	Văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao
52	XHHGD	Xã hội hóa giáo dục
53	XLHK	Xếp loại Hạnh kiểm
54	XLHL	Xếp loại Học lực

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1 Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X

Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Tiêu chí 5.6		x	x	
--------------	--	---	---	--

Kết quả: Đạt mức 2.

1.2 Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Điều 22			
Khoản 1		x	
Khoản 2		x	
Khoản 3		x	
Khoản 4		x	
Khoản 5		x	
Khoản 6		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4.

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường THPT Hiệp Hòa số 4

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang

Tỉnh / thành phố	BẮC GIANG	Họ và tên Hiệu Trưởng	Nguyễn Đức Thiệu
Huyện / quận / thị xã / thành phố	Huyện Hiệp Hòa	Điện Thoại	0988100382
Xã / phường / thị trấn	Xã Hoàng An	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia	2015	Website	http://thpthiephoa4.bacgiang.edu.vn
Năm thành lập trường (theo QĐ thành lập)	2006	Số điểm trường	0
Công lập	X	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Khối lớp 10	10	10	10	10	10
Khối lớp 11	10	10	10	10	10
Khối lớp 12	10	10	10	10	10
Cộng	30	30	30	30	30

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Ghi chú
----	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------

		2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	22	22	22	22	22	
1	Phòng học	22	22	22	22	22	
a	Phòng kiên cố	22	22	22	22	22	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	04	4	4	4	4	
a	Phòng kiên cố	04	4	4	4	4	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	25	25	25	25	25	
a	Phòng kiên cố	25	25	25	25	25	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	10	10	10	10	17	
1	Phòng kiên cố	10	10	10	10	17	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

III	Thư viện	01	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	2	2	2	2	5	
	Cộng	35	35	35	35	45	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0			1	
Phó hiệu trưởng	2	1	0		1	1	
Giáo viên	67	52	01	0	63	4	
Nhân viên	3	3	0	0	3	0	
Cộng	73	56	1	0	67	6	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1	Tổng số giáo viên	68	66	67	66	67
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.26	2.2	2.23	2.2	2.23
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.060	0.056	0.057	0.056	0.057
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	26	26	39	39	47
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	2	7	4	4	4

	(nếu có)					
...	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1125	1160	1159	1182	1223	
	- Nữ			594	612	623	
	- Dân tộc thiểu số			6	5	3	
	- Khối lớp 10	404	405	395	412	434	
	- Khối lớp 11	373	386	389	385	404	
	- Khối lớp 12	348	369	375	385	385	
2	Tổng số tuyển mới	412	412	401	418	437	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	41.2	41.2	40.1	41.2	43.7	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	1125 (100%)	1160 (100%)	1159 (100%)	1182 (100%)	1123 (100%)	
	- Nữ			594	612	623	
	- Dân tộc thiểu số			6	5	3	
8	Tổng số học sinh giới cấp huyện/tỉnh (nếu có)	71	39	66	94	0	

9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	1	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	0	0	0	0	0	
	- Nữ	0	0	0	0	0	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	3.29	3.53	4.32	3.89	3.72	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	47.11	53.45	60.45	62.52	55.54	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém	2.04	0.69	1.3	0.17	1.07	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	47.73	51.38	47.67	55.84	60.99	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	33.69	34.83	40.59	37.39	32.23	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	14.93	10.95	9.59	5.84	6.53	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100	100	100	100	100	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu	0	0	0	0	0	

học						
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0	0	0	0	0	
Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

5) Các số liệu khác (nếu có).....

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THPT Hiệp Hoà số 4 thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Giang. Khi mới thành lập trường THPT Hiệp Hòa số 4 gồm hai cấp học: THCS và THPT. Vị trí đóng tại trường THCS Hoàng An.

Sau 4 năm thành lập, là một trường có 2 cấp học, khi đã đủ các điều kiện cho khối THPT dạy và học, ngày 31 tháng 8 năm 2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 98/QĐ-UBND về việc chia tách trường THPT Hiệp Hoà số 4 (cũ) thành trường THCS Hoàng An - trực thuộc Phòng Giáo dục huyện Hiệp Hòa và trường THPT Hiệp Hòa số 4 (mới) trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang.

a. Cơ sở vật chất:

Tổng diện tích đất của trường 24.159m², trường có vành đai xây kiên cố bao quanh trường, với 04 khu nhà (01 khu nhà hiệu bộ, 02 khu nhà lớp học, 01 khu nhà công vụ), có 01 trạm biến áp riêng (công suất 100KVA), có 01 khu nhà vệ sinh ngoài trời, 06 nhà vệ sinh tại các nhà học cao tầng dành cho học sinh, 05 phòng nhà công vụ. Tổng số có 51 phòng, trong đó: 22 phòng học văn hóa, 04 phòng thực hành (01 phòng Vật lý, 01 phòng TN Hóa, 01 phòng TH Sinh, 01 phòng Tin học), 03 phòng Ban giám hiệu, 01 phòng họp Hội đồng, 38 phòng chức năng khác (phòng truyền thống, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng làm việc của đoàn thanh niên, kế toán, văn thư, thủ quỹ, y tế học đường ...) tất cả các phòng đều có đủ thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu làm việc của cán bộ giáo viên.

Trường có 03 phòng thí nghiệm (01 phòng bộ môn Vật lý-KTCN, 01 phòng bộ môn Hoá học, 01 phòng bộ môn Sinh học); 02 phòng vi tính có nối mạng; tất cả các phòng học đều có Tivi phục vụ công tác giảng dạy và học tập; 01 thư viện; 01 nhà làm việc của Ban Giám hiệu, bộ phận hành chính và các phòng sinh hoạt của

các tổ chuyên môn; Có khu sân chơi, bãi tập, có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng và vận hành trang Web riêng từ năm 2010. Đây một kênh thông tin giúp học sinh và nhân dân xem đầy đủ các thông tin về nhà trường: Thời khóa biểu, các kế hoạch, các tin tức của nhà trường, diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm học tập...

Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường luôn được bảo quản tốt, sử dụng đúng mục đích, được tu bổ, sửa chữa, nâng cấp thường xuyên, đảm bảo sử dụng hiệu quả, lâu dài.

b. Về tài chính:

Ngân sách nhà nước cấp hằng năm căn cứ vào quỹ lương của trường chi đáp ứng tối thiểu cho các hoạt động dạy và học. Các khoản thu ngoài ngân sách đều thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở GD thuộc hệ thống GD quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 và các văn bản quy định của HĐ nhân dân tỉnh. Do nguồn kinh phí hạn hẹp nên nhà trường gặp không ít khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tuy vậy, việc bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học luôn là nội dung được quan tâm hàng đầu, luôn quan tâm đầu tư kinh phí hợp lý để đảm bảo cho các hoạt động GD của nhà trường.

c. Đội ngũ:

Trong những năm qua, trường THPT Hiệp Hòa số 4 đã từng bước khẳng định chất lượng của mình trong huyện, tỉnh. 100% CB, GV, NV có trình độ chuẩn và trên chuẩn, trong đó trình độ trên chuẩn là 07 (0.97%). Đội ngũ GV tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ, hiện tại có 02 GV trong đội cốt cán của Sở Giáo dục và Đào tạo. Số giáo viên đạt danh hiệu GVG cấp cơ sở hàng năm đều chiếm trên 30%. Chu kỳ 2016-2019, trường có 06 giáo viên được công nhận là GVG cấp tỉnh. Hàng năm, có từ 4-6 đồng chí đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, có từ 2-3 đồng chí được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tặng giấy khen.

d. Chất lượng giáo dục:

Tỷ lệ HS XLHK khá và tốt hàng năm đều đạt trên 94%, tỷ lệ HS xếp loại văn hoá khá và giỏi hàng năm đạt trên 47%, số lượng và chất lượng HS đạt giải HSG cấp cơ sở và cấp tỉnh hàng năm được nâng cao và tương đối ổn định. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp phong phú, đa dạng, hiệu quả, góp phần tích cực GD đạo đức HS. Công tác giáo dục pháp luật, kỹ năng sống được nhà trường thường xuyên quan tâm. Phong trào VHVN- TDTT có nhiều thành tích nổi bật đặc biệt hàng năm trường THPT Hiệp Hòa số 4 luôn dẫn đầu trong toàn tỉnh ở một số nội dung như Kéo co, Đẩy gậy. TL HS của trường tốt nghiệp THPT hàng năm đạt từ 95% trở lên, chất lượng đại trà luôn giữ vững.

đ. Công tác xã hội hoá giáo dục phát triển mạnh:

Do làm tốt công tác tuyên truyền vận động nên nhà trường luôn nhận được sự đồng tình ủng hộ của các tầng lớp nhân dân trong vùng tuyển sinh và nhiều lực lượng xã hội. Hàng năm nhà trường huy động các tổ chức, cá nhân, phụ huynh HS cùng tham gia làm công tác XHHGD để có thêm cơ sở vật chất phục vụ công tác học tập của học sinh. Các chương trình hỗ trợ, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, biết vươn lên trong học tập nhận được sự ủng hộ của CBGV và học sinh nhà trường. Hàng năm, nhà trường trao từ 50-60 suất hỗ trợ học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn (mỗi suất từ 400.000đ đến tương đương 02 năm học phí theo vùng miền), phối hợp với SamSung Việt Nam trao học bổng cho học sinh khối 12.

2. Mục đích tự đánh giá

Trường THPT Hiệp Hòa số 4 xác định rõ mục đích của TĐG là giúp cho nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng GD do Bộ GD&ĐT ban hành, nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng GD. Kết quả TĐG của đơn vị là căn cứ để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng GD của trường, để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng GD.

Phạm vi TĐG là toàn bộ các hoạt động GD của nhà trường theo từng tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GD do Bộ GD&ĐT ban hành.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Hội đồng tự đánh giá thực hiện đúng theo quy trình tự đánh giá bao gồm 7 bước sau:

- Thành lập HĐTĐG gồm 17 thành viên được chia thành các nhóm chuyên trách và nhóm thư ký.
- Lập kế hoạch TĐG.
- Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
- Viết báo cáo TĐG.
- Công bố báo cáo TĐG.
- Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành TĐG.

Trong suốt quá trình tiến hành công tác TĐG, đội ngũ quản lý nhà trường đã huy động sự vào cuộc của toàn thể đội ngũ CB, GV, NV. Để công tác TĐG được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, HĐ TĐG đã xác định rõ các nguồn nhân lực, CSVC, nguồn tài chính cần huy động. Kế hoạch TĐG của trường thể hiện rõ từng hoạt động đánh giá chất lượng GD và thời gian cần được tiến hành. Công việc dự kiến các thông tin minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí được HĐ xác định và phân công nhiệm vụ một cách cụ thể, khoa học tới từng thành viên HĐ. Để chủ động về thời gian hoàn thành báo cáo, nhà trường đã lập thời gian biểu để hoàn thành quá trình TĐG, nhờ đó mà tiến độ làm việc được đảm bảo. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, HĐ TĐG tiến hành viết báo cáo.

Những vấn đề nổi bật trong báo cáo TĐG là: Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn, mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường, những điểm mạnh, điểm yếu và đặc biệt là kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khả thi.

Trong báo cáo TĐG, các chủ đề lớn đề cập trong các tiêu chuẩn được trình bày khá chi tiết, cụ thể, sát thực. Với 5 tiêu chuẩn được cụ thể hóa bằng 28 tiêu chí, 215 chỉ báo, HĐ TĐG cùng các thành viên trong nhà trường đã nghiêm túc thu thập minh chứng, sắp xếp, mã hóa, rà soát đối chiếu với yêu cầu của từng chỉ báo, tiêu

chí, tiêu chuẩn. Từ đó, TĐG mức độ thực tế đạt được so với tiêu chuẩn đã quy định được ban hành kèm theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT.

Sau một thời gian làm việc đầy tâm huyết và trách nhiệm, công tác TĐG của trường đã cơ bản hoàn thành với chất lượng cao. Đó là sự tập trung trí tuệ cao cho một công trình khoa học của tập thể về công tác TĐG cơ sở GD. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển GD của Trường THPT Hiệp Hòa số 4 và của địa phương, là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký KĐCL cơ sở GD ở mức cao hơn.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Tổ chức và quản lý nhà trường là một nhiệm vụ quan trọng có tính quyết định đối với sự phát triển của nhà trường. Đến nay nhà trường đã có đủ cơ cấu bộ máy tổ chức và các đoàn thể. Các tổ chức, đoàn thể hoạt động có hiệu quả và luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Giai đoạn 2015-2020, nhà trường xác định những mục tiêu cơ bản, trong đó chú trọng mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo học 1 ca, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà [H1-1.1-01], những mục tiêu đó phù hợp với những mục tiêu nào trong luật giáo dục 2019 nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Phù hợp những định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-03] [H1-1.1-04]

Kế hoạch phát triển của nhà trường được xác định rõ ràng bằng văn bản, được nhà trường tổ chức lấy ý kiến và triển khai rộng rãi [H1-1.1-01]

Kế hoạch phát triển của nhà trường được xây dựng dựa trên kế hoạch phát triển KT-XH của địa phương, được phổ biến công khai trước Hội nghị CC, VC hàng năm, được niêm yết công khai và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường và thông qua Ban thường trực Hội cha mẹ HS hàng năm [H1-1.1-05], [H1-1.1-08].

Mức 2:

Hàng năm, Hội đồng trường họp ít nhất 03 lần và Hội đồng sư phạm nhà trường họp ít nhất 1 lần trên tháng để giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển GD&ĐT của nhà trường [H1-1.1-06] [H1-1.1-07] Đồng thời để thực hiện hiệu quả các mục tiêu trong chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn 5 năm, mỗi năm học nhà trường cụ thể hóa thành kế hoạch chỉ đạo hoạt động của trường [H1-1.1-09] và được rà soát hai lần/năm học (vào cuối học kì I và kết thúc năm học) [H1-1.1-06] để xác định được những mục tiêu đã thực hiện được và những mục tiêu chưa thực hiện được, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp để thực hiện được mục tiêu chiến lược trong học kì II năm đó và đầu năm học tiếp theo [H1-1.1-02]

Mức 3:

- Hàng năm kết thúc học kì 1 và kết thúc năm học trên cơ sở báo cáo của các tổ chuyên môn và sự theo dõi của lãnh đạo trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo kì, theo năm, lãnh đạo nhà trường tổ chức họp hội đồng trường, hội đồng sư phạm để so sánh, đánh giá kết quả có đạt được với chỉ tiêu kế hoạch phát triển cũng như các VB chỉ đạo của các cấp để bổ sung những nhiệm vụ còn thiếu, điều chỉnh, đưa ra những giải pháp phù hợp hơn để thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra trong chiến lược.[H1-1.1-06]

2. Điểm mạnh

Kế hoạch phát triển trường THPT Hiệp Hòa số 4 được xây dựng trên cơ sở đánh giá đúng hiện trạng của nhà trường, có cấu trúc rõ ràng, có sự điều chỉnh bổ sung, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, phù hợp với Luật giáo dục, Điều lệ nhà trường, phù hợp với chiến lược phát triển THPT nói chung và địa phương nói riêng, góp phần thúc đẩy tích cực các hoạt động dạy học và giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Điểm tuyển sinh đầu vào của học sinh lớp 10 thấp, đa số học sinh có lực học trung bình.nĐịa bàn tuyển sinh hẹp, đa số là học sinh thuộc khu vực thượng huyện, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.nĐội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí có sự chuyển giao lớn, trẻ hóa nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công

tác. Mặt trái kinh tế thị trường đã tác động không nhỏ tới các hoạt động giáo dục nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công việc: Tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển nhà trường đúng hiện trạng, cấu trúc rõ ràng, sát thực tế của nhà trường và địa phương. Tích cực tham mưu với UBND tỉnh, Sở GD&ĐT để xây thêm 01 nhà 2 tầng với 8 phòng học để học 01 ca, và xây dựng nhà đa chức năng, cải tạo sân trường và sân tập TDTT để có điều kiện tốt nhất tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Thời gian : Triển khai nhiệm vụ trên vào đầu năm học 2020-2021.

- Phân công thực hiện: Hiệu trưởng, BGH, GVCN, Bí thư đoàn.

- Biện pháp thực hiện: Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường 5 năm, 10 năm chi tiết hơn, phù hợp với hiện trạng của nhà trường, tình hình thực tiễn của địa phương và phù hợp với luật giáo dục, điều lệ nhà trường, cần niêm yết tại văn phòng trong cả năm học. Tăng cường công tác tham mưu với UBND tỉnh, Sở GD&ĐT Bắc Giang.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định.
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Nhà trường có HĐ trường được thành lập theo đúng điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT do Giám đốc Sở GD&ĐT quyết định. Nhiệm kỳ 2016 – 2021, HĐ trường gồm 11 thành viên trong đó chủ tịch HĐ là ông Nguyễn Đức Thiệu – Hiệu trưởng nhà trường, các thành viên là CTCD, tổ trưởng chuyên môn và GV [H1-1.2-01].

- Để thực hiện các nhiệm vụ của trường, ngoài hội đồng trường đầu năm học Hiệu trưởng nhà trường ra Quyết định thành lập hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng tư vấn rèn kỹ năng sống cho học sinh [H1-1.2-04]; hội đồng tư vấn Hướng nghiệp, dạy nghề [H1-1.10-10]; hội đồng tư vấn hỗ trợ hình thành kỹ năng sống cho học sinh [H1-1.10-11]. Trong những trường hợp có HS vi phạm, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập hội đồng kỉ luật [H1-1.2-03]

- Nhà trường cho cán bộ giáo viên đăng kí thi đua đầu năm [H1-1.2-07], Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường họp định kỳ 2 lần/năm, vào cuối học kỳ I và cuối học kỳ II nhằm đánh giá, xét thi đua [H1-1.1-06], dựa trên danh sách đề nghị thi đua của các tổ Hội đồng thi đua - khen thưởng nhà trường xét và thông báo cho các CB, GV, NV biết thông qua kênh thông tin gmail, zalo nếu ai có ý kiến phản hồi thì xem xét, giải quyết. Xây dựng Tờ trình đề nghị xét thi đua khen thưởng để cấp trên công nhận các danh hiệu thi đua [H1-1.2-07]. Hội đồng tư vấn hướng nghiệp hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của mình trong việc định hướng, phân luồng cho 100% học sinh sau THPT [H5-5.4-01][H5-5.4-02]; Hội đồng xét lên lớp, ở lại có họp 1 đến 2 lần/năm để xét HS có đủ điều kiện lên lớp theo đúng các quy định, những HS không đủ điều kiện tổ chức kiểm tra lại; căn cứ vào kết quả kiểm tra lại và rèn luyện hè, hội đồng xét lên lớp họp và xét lên lớp cho những HS thuộc đối tượng này có đầy đủ hồ sơ đảm bảo quy trình. [H1-1.2-08]

- Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược và các giải pháp thông qua các kỳ họp theo quy định [H1-1.1-02], [H1-1.2-06].

Mức 2:

- Hội đồng trường hoạt động tích cực trong việc huy động nguồn lực xã hội hóa giáo dục giúp nhà trường sửa sang, tăng cường cơ sở vật chất như sửa chữa nhà để xe, làm mới nhà để xe, xây tầng 3 khu điều hành, mua sắm thêm ti vi, thiết bị giáo dục thông qua tờ trình tham mưu của nhà trường về công tác xã hội hóa giáo

dục hàng năm [H3-3.3-04][H3-3.5-09] [H3-3.5-10]. Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng tư vấn khác còn có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ như có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp [H1-1.2-09]; duy trì chất lượng giáo dục đại trà [H5-5.6-08]; điểm thi tốt nghiệp THPT(thi THPT QG) có sự chuyển biến tích cực ở môn, thứ hạng xếp loại điểm thi THPT QG có chuyển biến [H1-1.2-09], số lượng học sinh giỏi văn hóa của trường có chuyển biến đặc biệt tích cực. [H5-5.6-04] [H5-5.6-05]

2. Điểm mạnh

- Các HĐ hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả trong công tác giáo dục của nhà trường. Hoạt động của các HĐ góp phần tăng cường CSVC, TBDH và giáo dục đạo đức HS....

3. Điểm yếu

- Hoạt động của tổ tư vấn kỹ năng sống chưa được thường xuyên, định kỳ và hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

*Công việc cần thực hiện:

+ Đánh giá hoạt động của tổ tư vấn kỹ năng sống cần được thường xuyên, định kỳ.

* Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ tháng 01 năm 2020.

* Người thực hiện: BGH, tổ tư vấn kỹ năng sống, Đoàn thanh niên.

* Biện pháp: BGH kiểm tra đánh giá thường xuyên về sự hoạt động của tổ tư vấn kỹ năng sống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.

b) Hoạt động theo quy định.

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Trong trường có các đoàn thể và tổ chức khác với Chi bộ là Công đoàn; Đoàn thanh niên; Tổ chức Công đoàn dao động từ 69 đến 72 đoàn viên. Năm học 2019-2020, Công đoàn trường có 73 đoàn viên; Ban chấp hành có 03 đồng chí (Đ/c Nguyễn Thị Phương Lan - CTCĐ; đ/c Đào Thị Tiền - P.CTCĐ; đ/c Cao Thị Phương - Ủy viên) [H1-1.3-01]. Đoàn TNCSHCM có từ 1125 đến 1257 đoàn viên, chia làm 31 chi đoàn. Đoàn trường trực thuộc huyện Đoàn Hiệp Hòa. Năm học 2019-2020, đoàn trường có 31 chi đoàn, với tổng số 1257 đoàn viên; đồng chí Nguyễn Văn Ngọc - Bí thư đoàn thanh niên. [H1-1.3-01]

- Các tổ chức trong nhà trường như Công đoàn, Đoàn Thanh niên hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức, cụ thể tổ chức Công đoàn xây dựng kế hoạch hoạt động [H1-1.3-04], quy chế hoạt động [H1-1.3-05]; hàng tháng sinh hoạt kiểm điểm hoạt động trong tháng, triển khai nội dung của tháng tiếp theo và đưa ra giải pháp thực hiện các hoạt động. Tổ chức Đoàn thanh

niên xây dựng kế hoạch hoạt động, quy chế hoạt động; hàng tháng sinh hoạt kiểm điểm hoạt động trong tháng, triển khai nội dung của tháng tiếp theo và đưa ra giải pháp thực hiện các hoạt động. [H1-1.3-02]

- Hàng năm các tổ chức được rà soát, đánh giá, tổng kết những kết quả đã đạt được so với kế hoạch nhiệm vụ năm học đã đề ra, rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc, chỉ ra những mặt còn tồn tại hạn chế từ đó đề ra những giải pháp, biện pháp khắc phục nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục [H1-1.3-04], [H1-1.3-06].

Mức 2:

- Giai đoạn từ năm 2015 đến 2019 Chi bộ trường THPT Hiệp Hòa số 4 có 31 đến 37 đảng viên. Nhiệm kỳ 2017-2019 chi bộ nhà trường gồm 37 đảng viên, Ban Chi ủy gồm 03 đồng chí. Đ/c Nguyễn Đức Thiệu được bầu làm Bí thư, Đ/c Nguyễn Đức Tập được bầu làm Phó Bí thư [H1-1.3-07]. Chi bộ nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng năm cụ thể, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất trong của Chi bộ [H1-1.3-08]. Hoạt động của Chi bộ được thực hiện theo quy định của điều lệ Đảng [H1-1.3-09]. Mỗi tháng sinh hoạt ít nhất 1 lần vào chiều thứ 3 của tuần đầu tháng, và đóng đảng phí đầy đủ, đúng quy định [H1-1.3-09];. Trong 5 năm liên tục từ năm 2015 đến năm 2019 có 2 năm chi bộ được xếp loại chi bộ trong sạch vững mạnh (năm 2016, 2017); có 3 năm chi bộ xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ (năm 2015, 2018, 2019).[H1-1.3-10]

- Hàng năm tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCSHCM phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt chào mừng các ngày lễ lớn như Ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày thành lập Đoàn TNCS HCM 26/3... Công đoàn khuyến khích động viên kịp thời cán bộ giáo viên tham gia các kỳ thi GVG các cấp [H1-1.3-05]. Đoàn thanh niên CS HCM thường xuyên đóng góp tích cực trong các hoạt động của Nhà trường như thi đua học tốt giành nhiều hoa điểm tốt chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, các phong trào khuyến góp ủng hộ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Mức 3:

- Trong 5 năm liên tục từ năm 2015 đến năm 2019 có 2 năm Chi bộ được xếp loại chi bộ trong sạch vững mạnh (năm 2016, 2017); có 3 năm chi bộ xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ (năm 2015, 2018, 2019). [H1-1.3-10]

- Đoàn thanh niên CS HCM thường xuyên đóng góp tích cực trong các hoạt động của Nhà trường như thi đua học tốt giành nhiều hoa điểm tốt chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, các phong trào khuyến khích ủng hộ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn...từ đó góp phần thúc đẩy vào sự phát triển của Nhà trường. Hoạt động tích cực của Công đoàn, Đoàn TN, Đội thiếu niên của trường được các cấp ghi nhận. [H1-1.3-12]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chấp hành sự quản lý hành chính của các cấp nghiêm túc. Các tổ chức đều xây dựng kế hoạch hoạt động rõ ràng, đúng chức năng, nhiệm vụ, hoạt động thường xuyên, theo định kỳ và có hiệu quả. Trong các năm học qua, Chi bộ luôn thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, là chỗ dựa tinh thần, là niềm tin lớn của tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Công đoàn luôn chủ động tham mưu với lãnh đạo nhà trường về việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CB, GV, NV và HS. Tổ chức Công đoàn cũng luôn giám sát những hoạt động của nhà trường nhằm đảm bảo tính minh bạch, dân chủ trong trường học.

- Đoàn TNCSHCM luôn thực hiện vai trò tiên phong trong các hoạt động của trường nhằm thúc đẩy mạnh mẽ các phong trào dạy và học, hoạt động tập thể trong trường học.

3. Điểm yếu

- Một số hoạt động của Công đoàn còn mang tính hình thức: Phong trào TDTT, văn hóa văn nghệ. Sự phối kết hợp của Đoàn thanh niên với một số câu lạc bộ của nhà trường chưa có chiều sâu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công việc: Chi bộ, BGH, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn, khích lệ đoàn viên GV chủ động, tự giác, tích cực tham gia các hoạt động của Công Đoàn, Đoàn Trường.

- Người thực hiện: Bí thư chi bộ, Chi bộ, BGH, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn.

- Biện pháp thực hiện: BGH tạo điều kiện cho Công Đoàn, Đoàn TN hoạt động, đặc biệt là kinh phí và thời gian tổ chức các hoạt động. Trong các cuộc họp, sinh hoạt định kỳ luôn đề cao tinh thần, trách nhiệm của công đoàn viên, đoàn viên trong các hoạt động.

- Thời gian thực hiện: năm học 2020-2021.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định.
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Trường THPT Hiệp Hòa số 4 được Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân hạng là trường hạng II. Nhà trường có 01 Hiệu trưởng là đồng chí Nguyễn Đức Thiệu, 02 Phó Hiệu trưởng là các đồng chí Nguyễn Đức Thiện, Đỗ Thị Thanh Thương. Số lượng CB quản lý đảm bảo theo quy định của trường hạng I với quy mô 30 lớp [H1-1.4-01], [H1-1.4-02].

- Nhà trường có 07 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng là tổ Toán - Tin, Lí - Công nghệ, Hóa-Sinh, Văn, Sử - Địa - GDCD, Tiếng Anh, TD-QP và tổ Văn phòng được thành lập hằng năm theo đúng quy định [H1-1.4-03]. Số lượng GV trong các tổ chuyên môn giao động từ 7 đến 13 GV, số lượng nhân viên tổ VP giao động từ 7 đến 8 nhân viên. Trên cơ sở số lượng GV, nhân viên trong mỗi tổ căn cứ vào hướng dẫn của Sở GD&ĐT, điều lệ trường trung học, Hiệu trưởng nhà trường ra QĐ bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và tổ trưởng, tổ phó tổ VP [QĐ bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó các năm]. Năm học 2019-2020 Toán- tin có 14 đ/c . Đ/c Ngô Trọng Bình làm tổ trưởng, đ/c Trần Thị Nền làm tổ phó; Tổ TD -QP gồm 7 đ/c do Đ/c Nguyễn Đức Tập làm tổ trưởng, đ/c Nguyễn Thu Hương làm tổ phó; Tổ Lí - Công nghệ gồm 9 đ/c, do đ/c Nguyễn Thị Hạ làm tổ trưởng, đ/c Trần Thị Châm làm tổ phó;

Tổ Hóa - Sinh gồm 11 đ/c, do đ/c Lê Duy Thìn làm tổ trưởng, đ/c Trần Thị Thơ làm tổ phó; Tổ Ngữ Văn gồm 10 đ/c, do đ/c Nghiêm Thị Ngọc Thương làm tổ trưởng, đ/c Nguyễn Thu Giang làm tổ phó; Tổ Sử - Địa - GDCD gồm 10 đ/c, do đ/c Dương Mạnh Hùng làm tổ trưởng, đ/c Trần Thị Thảo làm tổ phó; Tổ Tiếng Anh gồm 8 đ/c, do đ/c Nguyễn Thị Lan làm tổ trưởng, đ/c Nguyễn Thị Phương Lan làm tổ phó; Tổ Văn Phòng gồm 7 đ/c, do đ/c Đặng Văn Tư làm tổ trưởng [H1-1.4-03].

- Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định tại điều 16 và 17 Điều lệ trường trung học: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ [H1-1.4-04]; hướng dẫn, xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân [H1-1.8-01] xây dựng phân phối chương trình [H5-5.1-17][H5-5.1-16]; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho tổ viên qua việc dự giờ, rút kinh nghiệm giờ dạy, sinh hoạt chuyên đề, đánh giá giáo viên theo kì, theo năm học [H1-1.4-04]. Tổ văn phòng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ [H1-1.4-04]; làm tốt công tác lưu trữ hồ sơ, công văn đến, đi của

trường, thực hiện việc chi trả lương và các chế độ khác đúng quy định.[H1-1.6-01][H1-1.6-11][H1-1.6-12]

Mức 2:

- Trong 5 năm từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 tổ Toán-tin thực hiện được 12 chuyên đề; Tổ Lý - Công nghệ thực hiện 16 chuyên đề; Tổ Hóa - sinh thực hiện 17 chuyên đề; Tổ TD -QP thực hiện được 7 chuyên đề; Tổ Ngữ văn thực hiện được 15 chuyên đề; Tổ Sử - Địa - GDCD thực hiện 16 chuyên đề; Tổ Tiếng Anh thực hiện được 15 chuyên đề. Đa số các chuyên đề phù hợp với thực tế nhà trường góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động dạy và học.[H1-1.4-05]

- Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng dưới sự chỉ đạo, kiểm tra và giám sát của lãnh đạo nhà trường, được rà soát, đánh giá điều chỉnh theo những văn bản hiện hành và theo tình hình thực tiễn của nhà trường theo từng tuần, từng tháng, kết thúc học kì, kết thúc năm học và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn của trường [H1-1.4-04]

Mức 3:

- Tổ văn phòng thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ quản lí hồ sơ hành chính [H1-1.6-01]; giải quyết chế độ cho giáo viên học sinh [H1-1.4-06]; hoàn thành các báo cáo thống kê hằng năm [H5-5.6-06][H5-5.6-07][H5-5.6-08]. Hoạt động của tổ chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ như có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp[H1-1.2-09]; duy trì chất lượng giáo dục đại trà[H5-5.6-08]; điểm thi THPT QG có sự chuyển biến tích cực ở môn, thứ hạng xếp loại điểm thi THPT QG có chuyển biến [H1-1.2-09], số lượng học sinh giỏi văn hóa của trường có chuyển biến đặc biệt các môn [H5-5.2-01][H5-5.6-04]

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn tích cực sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề và bồi dưỡng học sinh giỏi góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức các chuyên đề chuyên môn còn hạn chế. Việc rà soát kiểm tra, định kỳ của tổ văn phòng chưa được thường xuyên. Các chuyên đề tổ chuyên môn thực hiện còn ít, hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công việc cần thực hiện:

- Phân cho các tổ chuyên môn xây dựng 2 chuyên đề/ năm học.

Tiếp tục đề xuất các chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Hoạt động của tổ văn phòng cần được kiểm tra định kỳ, đánh giá. Ban Giám hiệu chủ động phối hợp cùng với các tổ trưởng chuyên môn thảo luận và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn chi tiết cho từng tuần, từng tháng.

Tổ văn phòng cần được phân công nhiệm vụ đúng người, đúng việc

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ tháng 9 năm 2020

- Người thực hiện: Tổ chuyên môn, văn phòng.

- Biện pháp: Kiểm tra đánh giá định kỳ.

- Dự kiến kinh phí: Không.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học.

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học.

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định.

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Trường THPT Hiệp Hòa số 4 có 30 lớp được chia ra làm 3 khối: Khối 10 có 10 lớp; Khối 11 có 10 lớp; Khối 12 có 10 lớp [H1-1.5-01].

- HS được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu năm học và được chia thành 04 tổ. Mỗi tổ có từ 10 đến 12 HS, trong đó có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên bầu ra vào mỗi đầu năm học [H1-1.5-02].

- Sĩ số HS trong lớp theo quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học. Trường THPT Hiệp Hòa số 4 có 30 lớp. Tổng số HS trong toàn trường là 1218 HS, sĩ số bình quân HS các lớp là 40,6 HS / lớp (Lớp đông nhất có 45 HS) [H1-1.5-03].

- HS các lớp được thực hiện theo nguyên tắc dân chủ, được tham gia bình bầu lớp trưởng, lớp phó và được tham gia thảo luận đề xây dựng nội quy lớp học [H1-1.5-04][H1-1.5-05].

Mức 2:

- Trường THPT Hiệp Hòa số 4 hiện nay đang có 30 lớp, mỗi lớp bình quân là 40,6 HS [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Biên chế tổ chức lớp học, sĩ số HS trong một lớp đảm bảo theo quy định Điều lệ trường trung học phổ thông. Lớp học được hoạt động theo nguyên tắc tự quản dân chủ.

3. Điểm yếu

Ở một số lớp vai trò tự quản của đội ngũ cán bộ lớp 12A6, 12A9, 11A6 còn chưa được phát huy mạnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

*Công việc cần thực hiện

Nhà trường tổ chức lớp đúng với quy định Điều lệ trường trung học, quan tâm đến việc duy trì sĩ số của HS. GVCN, Đoàn thanh niên, tổ tư vấn kỹ năng sống tăng cường biện pháp tuyên truyền tư vấn để giúp cán bộ lớp phát huy tốt vai trò tự quản của mình.

* Người thực hiện: GVCN, tổ tư vấn kỹ năng sống.

* Biện pháp: Tổ chức tập huấn cho các cán bộ lớp còn chưa phát huy được hết năng lực của mình

*Thời gian thực hiện: Năm học 2020 -2021.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách về quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo quy định tại Điều lệ trường THPT. Lưu trữ đầy đủ, khoa học, văn bản theo quy định của Luật lưu trữ [H1-1.6-01].

- Tài chính của trường gồm tiền lương, phụ cấp, chi thưởng, mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, tri trả phúc lợi...được quản lý theo đúng văn bản quy định. Sử dụng nguồn tài chính để cấp lương cho cán bộ, GV [H1-1.6-12]; mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hàng năm [H3-3.3-04], chi trả phúc lợi cho cán bộ GV trang các đợt...[H1-1.6-11]....Việc sử dụng nguồn tài chính hàng năm đều được công khai trước khi diễn ra hội nghị cán bộ công chức hàng năm [H1-1.6-08] không có đơn thư phản ánh về việc quản lý và sử dụng tài chính sai nguyên tắc, không đúng mục đích [H1-1.6-05]

- Tài chính của trường gồm tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng, mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, ... được quản lý theo đúng văn bản quy định. Sử dụng nguồn tài chính để cấp lương cho cán bộ, GV [[H1-1.6-12]; mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hàng năm [H3-3.3-04], chi trả phúc lợi cho cán bộ GV trang các đợt...[H1-1.6-11]....Việc sử dụng nguồn tài chính hàng năm đều được công khai trước khi diễn ra hội nghị cán bộ công chức hàng năm [[H1-1.6-08] không có đơn thư phản ánh về việc quản lý và sử dụng tài chính sai nguyên tắc, không đúng mục đích [H1-1.6-05]

Mức 2:

- Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Tài chính và tài sản được cập nhật thường xuyên trên phần mềm [H1-1.6-04] [H1-1.6-05].

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của

thanh tra, kiểm toán. Tài chính luôn được công khai rõ ràng, chi đúng mục đích, đúng quy định [H1-1.6-05].

Mức 3:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương: nguồn ngân sách, nguồn phối hợp với hội phụ huynh học sinh, các tổ chức, cá nhân để tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường [H1-1.6-09],[H1-1.6-10]

2. Điểm mạnh

Thiết lập đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách và quản lý và hàng năm cập nhật, bổ sung kịp thời. Công tác quản lý tài sản được nhà trường chú trọng, các phần mềm quản lý tài chính, tài sản được trang bị đầy đủ.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, thanh lý tài sản chưa được làm đều đặn theo hàng năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

* Công việc cần thực hiện: Xây dựng phần mềm quản lý tài sản và tổ chức kiểm kê,

* Biện pháp: Giao trách nhiệm cụ thể cho người quản lý với từng loại tài sản.

* Người thực hiện: PHT phụ trách và kế toán định kỳ rà soát và thanh lý tài sản cuối năm.

* Thời gian: Thực hiện theo năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB quản lý, GV và nhân viên một cách cụ thể, rõ ràng theo tuần, tháng. Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên GV ban hành kèm theo Thông tư số 17 và Thông tư số 18 ban hành ngày 01/11/2019 về nội dung bồi dưỡng giáo viên phổ thông và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo .[H1-1.7-01]

- Hàng năm, Nhà trường sử dụng, phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý, đúng năng lực, đảm bảo phát huy hiệu quả hoạt động giáo dục của Nhà trường.[H1-1.7-02]; [H1-1.7-07]

- Hàng năm, giáo viên được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh [H1-1.7-02]; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.7-09]; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học [H1-1.6-12]; được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính Phủ [H1-1.6-12]; Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo [H1-1.6-11]; Được xét nâng lương, thâm niên nghề, vượt khung đúng hạn và nâng lương trước hạn khi có thành tích xuất sắc [H1-1.7-08]; GV làm công tác chủ nhiệm, TT, TP CM được giảm giờ theo quy định [H1-1.7-02]....

Mức 2:

- Trong những năm qua nhà trường đã có những biện pháp tích cực nhằm phát huy hiệu quả năng lực của CBGV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể:

BGH nhà trường đã phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của CBGV, NV.[H1-1.7-02]

Lựa chọn GV có năng lực trực tiếp bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS yếu kém, làm công tác chủ nhiệm; tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công; thực hiện tuyên dương, khen thưởng CBGV, NV và HS có thành tích xuất sắc trong năm học theo Quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.7-06]. Định kỳ hàng tháng, Hiệu trưởng tiến hành rà soát kết quả thực hiện của từng CBGV, NV, nêu gương những cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhắc nhở, kiểm điểm những cá nhân chưa tích cực trong các hoạt động. [H1-1.1-06]; [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ kế hoạch và thực hiện tốt, công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBGV, NV. Các kế hoạch được thực hiện thường xuyên, liên tục. Về cơ bản sự phân công, sử dụng CB quản lý, GV, nhân viên rõ ràng, hợp lý, kịp thời đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Mọi quyền lợi và chế độ chính sách của CBGV, NV trong trường được đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

Nhà trường đã có biện pháp tích cực, phát huy được năng lực và tinh thần trách nhiệm, tâm huyết của CBGV, NV trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc phân công nhiệm vụ giảng dạy ở một số môn chưa thực sự phù hợp do cơ cấu GVBM của nhà trường bị mất cân đối.

Việc theo dõi, ghi nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV có lúc, có việc chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện: BGH có biện pháp tạo điều kiện tối ưu cho GV được phân công bồi dưỡng HSG; GV dự thi GVDG, GVCNLTG hoàn thành tốt

nhiệm vụ; biểu dương, khen thưởng kịp thời các thành tích xuất sắc của GV và HS trong năm học.

Thời gian thực hiện: Hàng tháng.

Dự kiến kinh phí thực hiện: Hàng năm, tiết kiệm chi tiêu từ ngân sách nhà nước tăng thêm 10% kinh phí khen thưởng, hỗ trợ GV và HS các CLB, GV dự thi GVDG, GVCNLG.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường hàng năm được xây dựng phù hợp với Luật giáo dục, Điều lệ trường phổ thông đúng các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Sở GD&ĐT đồng thời phù hợp với tình hình nhà trường, tình hình địa phương [H1-1.8-01].

- Trong những năm qua, trường THPT Hiệp Hòa số 4 đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học. Đồng chí Hiệu trưởng phân công 01 đồng chí phó hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý hoạt động dạy và học (chuyên môn) và 01 đồng chí PHT phụ trách giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, HĐNGLL. Các hoạt động giáo dục trong

giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành, 100% GV thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, lên lớp đúng giờ, hồ sơ giáo án đầy đủ. Các hoạt động NGLL, hoạt động trải nghiệm xã hội được tổ chức với các chủ đề đa dạng, được lên kế hoạch từ đầu năm và điều chỉnh theo yêu cầu thực tế của nhà trường. HĐNGLL, giáo dục kỹ năng sống được học sinh hưởng ứng và góp phần không nhỏ trong việc bổ túc kiến thức và rèn kỹ năng sống cho học sinh[H1-1.8-02].

- Trong quá trình triển khai thực hiện các loại kế hoạch giáo dục nhà trường, vào cuối học kỳ I và cuối năm học nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, so sánh kết quả đạt được với chỉ tiêu xây dựng đầu năm và chiến lược phát triển của nhà trường. Từ đó điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hoạt động cho phù hợp với sự chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.8-03].

- Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo CB, GV thực hiện đầy đủ kế hoạch dạy học, dạy đủ chương trình môn học bắt buộc, tự chọn, hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp theo biên chế năm học [H1-1.8-04]; hoàn thành việc thanh kiểm tra kịp thời, chính xác những tiến bộ của CBGV,NV [H1-1.8-03]

- Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo tháng, quý, năm cho phù hợp với thực tế và mục tiêu của nhà trường [H1-1.1-02] [H1-1.8-05]

Mức 2:

- Lãnh đạo nhà trường đưa ra những biện pháp cụ thể trong chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục như những quy định về việc thực hiện quy chế chuyên môn: lên lớp, soạn bài, chấm, chữa trả bài...[H5-5.1-01], đặc biệt trong dịp học sinh nghỉ học phòng tránh dịch Covid-19 (từ tháng 2 năm 2020 đến hết tháng 4 năm 2020), theo sự chỉ đạo của BGH, giáo viên các bộ môn đã giao bài tập chi tiết, cụ thể cho học sinh, kiểm tra đánh giá việc ôn tập của học sinh qua Teams, Zoom, Zalo, Face book [H1-1.8-06]; ban hành quy định về khen thưởng, kỉ luật, chế độ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm [H1-1.6-03]; quy định đối với học sinh [H1-1.8-07]....Các biện pháp nhà trường đưa ra giúp nhà trường đạt được mục tiêu giáo dục, được Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT ghi nhận bằng các hình

thức khen thưởng [H1-1.8-08]. Dạy thêm, học thêm cũng là một giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, trong những năm qua nhà trường thực hiện quản lý dạy thêm, học thêm theo đúng quy định trong các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT), Sở GD&ĐT (Quyết định 455/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang). Cụ thể trước khi tổ chức dạy thêm, học thêm nhà trường tuân thủ đầy đủ các quy định [H1-1.8-10] việc thu tiền học thêm được thỏa thuận với phụ huynh [H1-1.8-09] và được sự đồng ý của các cấp lãnh đạo theo đúng văn bản hướng dẫn, việc chi tiền dạy thêm đúng quy định [H1-1.8-11]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các loại kế hoạch theo từng năm học. Kế hoạch bám sát chiến lược phát triển của nhà trường, phù hợp với tình hình kinh tế - chính trị của địa phương và những quy định về giáo dục hiện hành. Các hoạt động GD đầy đủ và đa dạng đảm bảo sự phát triển toàn diện cho học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường học 02 ca nên các hoạt động giáo dục tổ chức khó khăn, phụ thuộc vào yếu tố thời tiết.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công việc: Nhà trường tích cực tham mưu với Sở GD&ĐT để đầu tư xây mới khu nhà 8 phòng học đầu năm 2020, đảm bảo cho nhà trường đủ 30 phòng học và học 01 ca. Các hoạt động giáo dục sẽ được bố trí dễ dàng hơn và hiệu quả hơn nữa.

- Thời gian: Xây dựng năm 2020

- Phân công thực hiện: Hiệu trưởng, BGH

- Biện pháp thực hiện: Đôn đốc các bộ phận thực hiện đúng kế hoạch, tiến độ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Hằng năm CBGV, NV tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về các chỉ tiêu kế hoạch, nội dung, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01]. BGH nhà trường căn cứ vào các ý kiến đóng góp của CBGV, NV các tổ để xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, nội quy làm việc của cơ quan, các quy định, quy chế làm việc, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ. Các nội dung trên được thông qua hội nghị cán bộ viên chức hàng năm 100% CBGV, NV trong hội đồng nhất trí và thực hiện [H1-1.9-02].

- Trong các năm học nhà trường thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, có phân công lịch tiếp công dân có hòm thư góp ý [H1-1.9-06]. Trong các năm học BGH đã thực hiện và giải quyết tốt các kiến nghị, ý kiến của CBGV, NV trong nhà trường, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo .

- Hằng năm nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở vào dịp tổng kết cuối năm học, hội nghị cán bộ viên chức đó là báo cáo của công đoàn. Báo cáo của BTTND, báo cáo tổng kết nhà trường [H1-1.9-03].

- Trong 5 năm từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, các ý kiến của cán bộ, giáo viên trong trường được chuyển đến tổ chuyên môn, lãnh đạo công đoàn trường, lãnh đạo nhà trường giải quyết kịp thời nên không có các ý kiến trái chiều trong hội đồng giáo dục nhà trường. Mọi hoạt động đều được thanh, kiểm tra,

giám sát của ban thanh tra nhân dân [H1-1.9-03]. Ngoài ý kiến của cán bộ, giáo viên trong trường lãnh đạo nhà trường phân công lịch tiếp dân để nghe nội dung phản ánh và giải quyết kiến nghị của công dân kịp thời [H1-1.9-05] [H1-1.9-08]

Hàng năm nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở thông qua báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân và các hoạt động bình xét thi đua cuối học kỳ và cuối năm [H1-1.9-03].

Mức 2:

- Hàng năm, việc thực hiện mọi nhiệm vụ của trường đều lấy ý kiến từ giáo viên, nhân viên thông qua cuộc họp chuyên môn như kiện toàn tổ trưởng, tổ phó chuyên môn [H1-1.9-09]; những ý kiến của GV, HS được phản ánh trực tiếp với TTCM, GVCN hoặc BGH nhà trường [H1-1.9-10] ... Mọi hoạt động trong trường được giám sát thông qua hoạt động của thanh tra nhân dân [H1-1.9-03]

2. Điểm mạnh

BGH nhà trường thực hiện đúng quy chế dân chủ, công tâm, luôn tạo được lòng tin và sự đoàn kết trong cán bộ giáo viên, nhân viên. Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Điểm yếu

Còn một số cán bộ giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công việc cần thực hiện: Cần phát huy ý kiến đóng góp của cán bộ giáo viên.

- Người thực hiện: Giáo viên, nhân viên.

- Điều kiện biện pháp để thực hiện: Trong các buổi họp hội đồng, họp chuyên môn.

- Thời gian thực hiện: Các năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- Hàng năm, nhà trường luôn xây dựng kế hoạch và các phương án đảm bảo về an ninh trật tự[H1-1.10-01]; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ[H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh[H1-1.10-08]; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong trường học. Nhà trường có thành lập tổ tư vấn giáo dục kỹ năng sống để tư vấn tâm lý, phòng chống bạo lực học đường các tệ nạn

xã hội. Nhà trường cho HS ký cam kết không buôn bán, tàng trữ, sử dụng pháo, các vật liệu cháy nổ và các chất độc hại. Cam kết không buôn bán, sử dụng ma túy, các chất kích thích và chất gây nghiện. Nhà trường phối hợp với công an địa phương trong việc triển khai các biện pháp phòng chống các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

- Nhà trường có hòm thư góp ý[H1-1.10-05], để ở vị trí thuận tiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân, CBGV, NV, HS tham gia góp ý về những hiện vi phạm kỉ luật và vi phạm pháp luật của CBGV, NV, HS trong nhà trường. Nhà trường công khai số điện thoại trên website nhà trường để tiếp thu ý kiến phản ánh và đóng góp. Lắp đặt hệ thống camera ở nhà xe của GV, HS và trong các phòng học. Xung quanh nhà trường được trang bị tường bao an toàn. Tổ chức niêm phong tài sản cần thiết khi nghỉ dài ngày giữa CB và NV bảo vệ, có sự chứng kiến chỉ đạo của đại diện BGH (trước hai ngày nghỉ hoặc trước kỳ nghỉ lễ dài ngày...). Nhà trường thành lập đội “Thiếu niên xung kích” phối hợp với các bộ phận trực trong nhà trường phát hiện và ngăn chặn các vi phạm, các trường hợp có biểu hiện bất thường, kịp thời báo cáo BGH qua đường dây nóng trên trang website nhà trường: <http://thpthiephoa4.bacgiang.edu.vn> để có phương án giải quyết .

- Trong những năm qua hiện tượng kỳ thị, bất bình đẳng giới trong nhà trường không có. BGH thường xuyên phối kết hợp với Đoàn TNCSHCM, Hội liên hiệp phụ nữ Huyện, Chi cục dân số - KHHGĐ Tỉnh tuyên truyền đến HS trong trường về hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường để HS có nhận thức đúng và không vi phạm về những hành vi trên [H1-1.1-02].

- Nhà trường phổ biến hướng dẫn CBGV, NV, HS thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường qua các buổi chào cờ, hoạt động ngoại khóa trong và ngoài trường.[H1-1.10-04][H1-1.10-05]

- Nhà trường phân công GVCN thường xuyên tăng cường giám sát và nắm bắt kịp thời về tình hình HS để có biện pháp xử lí hiệu quả. Nhà trường kết hợp với

Đoàn trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thì Đoàn TN cùng BGH trường, Bảo vệ nhà trường đã có biện pháp ngăn chặn kịp thời, xử lý các vụ việc có liên quan.[H1-1.1-02]

Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường[H1-1.10-05];[H1-1.10-06].

Mức 2:

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, bạo lực học đường thông qua tiết học quốc phòng, an ninh; sinh hoạt lớp theo chủ đề, ngoại khóa...[H1-1.10-03];[H1-1.10-04];

- Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả bằng đội xung kích, tình nguyện và phối hợp với phụ huynh, công an xã Hoàng An [H1-1.1-06][H1-1.10-09].

2. Điểm mạnh

- Tổ chức Đoàn, Công Đoàn luôn phối hợp chặt chẽ với nhau, hoạt động có hiệu quả, HS tham gia đầy đủ các phong trào hoạt động ngoại khóa do Đoàn TN và nhà trường phát động.- Không có hiện tượng kì thị hay bất bình đẳng trong trường học.

- Có hòm thư góp ý và đường dây nóng để HS, PHHS đóng góp ý kiến, phản ánh kịp thời về nhà trường.

3. Điểm yếu

- Nhà trường triển khai các kế hoạch thực hiện còn chưa đồng bộ từ GV tới HS.

- Một số HS còn nhút nhát, chưa tích cực trong việc đóng góp ý kiến của mình vào hòm thư góp ý của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công việc: BGH phối hợp cùng Đoàn TN- Công đoàn xây dựng kế hoạch và triển khai một cách đồng bộ. Tăng cường hơn việc rèn kỹ năng sống cho HS.

- Phân công thực hiện: BGH, đoàn TN, CBGV, NV trong trường.

- Biện pháp thực hiện: Đoàn TN phối hợp với GVCN, PHHS cùng tuyên truyền giáo dục HS về đạo đức và kỹ năng sống. Nhà trường tiếp tục tổ chức nhiều các buổi hoạt động ngoại khóa trong và ngoài trường để HS mạnh dạn, tích cực hơn trong cuộc sống.

- Thời gian: Thực hiện từ năm học 2020-2021.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định tại Điều lệ trường THPT và các quy định khác do Bộ GD&ĐT ban hành.

Công tác quản lý của nhà trường thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học, có kế hoạch cụ thể, đảm bảo nguyên tắc, thể hiện tính dân chủ, công khai, tính toàn diện, đúng Luật giáo dục, phù hợp với các hoạt động GD của nhà trường.

BGH nhà trường có các biện pháp tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học và các hoạt động GD khác theo quy định tại chương trình GD trung học cấp THPT do Bộ GD&ĐT ban hành.

Trường có kế hoạch chiến lược phát triển GD từ 2011 đến 2015 và 2016 đến 2020 được xác định rõ từng giai đoạn phát triển phù hợp mục tiêu GD của cấp học và thực trạng kinh tế xã hội địa phương.

Trong quá trình hoạt động CB, GV, NV nhà trường chấp hành và thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định của ngành GD, đảm bảo tốt an ninh chính trị, đoàn kết; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

Bên cạnh những ưu điểm đó nhà trường cũng không tránh khỏi những thiếu sót cần khắc phục như: mọi hoạt động có tổ chức nhưng hồ sơ minh chứng chưa

đầy đủ, chưa thể hiện rõ việc thực hiện; một vài chỉ số tuy được đánh giá đạt yêu cầu song cũng còn những bất cập vì tính ổn định chưa cao.

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10

+ Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 10, MĐ2: 10, MĐ3: 4)

+ Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ CB quản lý đáp ứng được yêu cầu về phẩm chất, năng lực, trình độ đào tạo. Đội ngũ GV tương đối đầy đủ về cơ cấu bộ môn, chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Điều lệ trường trung học và yêu cầu chuẩn nghề nghiệp. Nội bộ nhà trường có truyền thống đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ nhau trong công tác. HS của nhà trường đáp ứng được các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên.
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong nhiệm kì 05 năm, từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, Hiệu trưởng nhà trường là đồng chí Nguyễn Đức Thiệu, tốt nghiệp ĐH sư phạm Thái Nguyên năm 2002 [H2-2.1-01]. 02 Phó hiệu trưởng nhà trường là đồng chí Nguyễn Đức Thiện, tốt nghiệp ĐHSP Thái Nguyên năm 2004 và đồng chí Đỗ Thị Thanh Thương, tốt nghiệp đại học năm 1999 [H2-2.1-01].

Trong chu kì 05 năm từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2019-2020, lãnh đạo nhà trường (Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng) đề thực hiện đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Từ năm học 2015-2016 đến hết năm học 2017-2018, lãnh đạo nhà trường đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư 29/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009, đồng chí Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều thực hiện đánh giá bước 1 (01 bước) [H2-2.1-02]. Từ năm học 2018-2019 đến nay, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đánh giá chuẩn theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 và Công văn số 4529/BGDĐT-GCBLGD ngày 01/10/2018 về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông, cả 03 đồng chí lãnh đạo nhà trường đều được đánh giá 01 bước [H2-2.1-02]; có 3 đồng chí đánh giá 02 bước; có 3 đồng chí đánh giá 03 bước [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng nhà trường đều có trình độ chuyên môn đạt chuẩn [H2-2.1-01], đã được bồi dưỡng, tập huấn về Chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2-2.1-03], bồi dưỡng Ngoại ngữ, Tin học và tham gia các lớp bồi dưỡng năng lực quản lý do Bộ GD&ĐT [H2-2.1-04]; Sở GD&ĐT tổ chức [H1-1.7-09] [H2-2.3-09].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường luôn tích cực, nhiệt tình, có trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai

các hoạt động giáo dục đều được đánh giá và xếp loại khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng. Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn 3 bước 01 lần năm học 2019-2020 [H2-2.1-05]; 02 Phó hiệu trưởng mỗi đồng chí được đánh giá chuẩn 3 bước 01 lần vào năm học 2018-2019; 2019-2020 [H2-2.1-05].

Hàng năm, CB quản lý nhà trường đã được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, chuyên môn vững vàng, luôn quan tâm giúp đỡ đồng nghiệp, được CBGV, NV trong trường tín nhiệm cao [H2-2.2-06].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, BGH nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-05].

2. Điểm mạnh

CB quản lý nhà trường đều có phẩm chất chính trị tốt, trình độ chuyên môn vững vàng và kinh nghiệm trong quản lý. Nhiệt tình, trách nhiệm, gương mẫu trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Hằng năm, luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, được tập thể CBGV, NV tín nhiệm cao.

3. Điểm yếu

Đội ngũ cán bộ quản lý vẫn còn yếu về trình độ ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

* Công việc cần thực hiện:

Chủ động công tác bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ cho cán bộ quản lý.

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được trong chuyên môn cũng như trình độ quản lý, để chỉ đạo các hoạt động của của nhà trường đạt kết quả tốt trong những năm học tiếp theo.

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo hướng dẫn CBGV, NV thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Hiệu trưởng cần chủ động tích cực, học hỏi kinh nghiệm nâng cao trình độ quản lý, cần có nhiều kế hoạch, chương trình hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

* Biện pháp thực hiện:

- Hiệu trưởng cần chủ động tích cực tự bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, học hỏi kinh nghiệm từ những đồng chí hiệu trưởng có nhiều kinh nghiệm ở các trường bạn.

- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng cần có nhiều kế hoạch, chương trình hành động để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Hằng năm xây dựng các loại kế hoạch cụ thể như: kế hoạch nâng cao chất lượng GVDG mỗi năm có trên 45 % GVDG cơ sở trở lên trong đó tăng tỷ lệ GVDG cấp tỉnh, bồi dưỡng nâng cao số lượng, chất lượng HSG hằng năm, chất lượng giải HSG cấp tỉnh cũng tăng. Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn hằng tháng chú trọng tới việc xây dựng các chuyên đề, kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, kế hoạch giáo dục đạo đức học sinh... Cần chỉ rõ những biện pháp và thời gian thực hiện.

- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng cần mạnh dạn sáng tạo trong công tác điều hành các nhiệm vụ dạy và học, phấn đấu xây dựng trường THPT Hiệp Hòa số 4 đứng trong tốp khá về chất lượng giáo dục của tỉnh Bắc Giang.

* Thời gian thực hiện: Từ năm học 2020 - 2021.

* Người thực hiện: Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 67 GV đứng lớp đảm bảo đủ về số lượng và cơ cấu GV để dạy tất cả các môn học bắt buộc theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác [H2-2.2-09]. Các GV đều được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H2-2.2-03].

Đội ngũ GV luôn tích cực tự học tập trau dồi kiến thức để nâng cao tay nghề nên hằng năm nhà trường có 100% GV đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn [H2-2.2-04], trong đó trình độ trên chuẩn hằng năm chiếm trên 9,6% [H2-2.2-10].

Trong chu kỳ 05 năm từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019-2020, việc đánh giá giáo viên theo chuẩn được thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Từ năm học 2015-2016 đến hết năm học 2017-2018, đánh giá

chuẩn giáo viên Thông tư 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, THPT, 100%, Năm học 2015 - 2016 có 67 GV thực hiện đánh giá 01 bước (01 bước); có 9 GV đánh giá 02 bước ; có 9 GV được đánh giá 03 bước [H2-2.2-05] ; Năm học 2016 - 2017 có 67 GV thực hiện đánh giá 01 bước (01 bước) ; có 13 GV đánh giá 02 bước có 13 GV được đánh giá 03 bước [H2-2.2-05]; Năm học 2017 - 2018 có 67 GV thực hiện đánh giá 01 bước (01 bước) ; có 11 GV đánh giá 02 bước; có 11 GV được đánh giá 03 bước ;

Từ năm học 2018-2019 đến nay, đánh giá giáo viên theo chuẩn thực hiện theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GDPT và 4530/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01/10/2018 về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, Năm học 2018 - 2019, 100% GV thực hiện đánh giá 01 bước (01 bước) có 35 GV được đánh giá 02 bước ; có 35 GV được đánh giá 03 bước , Năm học 2019 - 2020, 100% GV thực hiện đánh giá 01 bước (01 bước); có 33 GV đánh giá 02 bước có 33 GV được đánh giá 03 bước [H2-2.2-05].

Mức 2:

Nhà trường có đội ngũ GV trẻ năng động tích cực học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Mỗi năm đều có một đến hai GV đi học để nâng cao trình độ nên tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ được đào tạo duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-10].

Đội ngũ GV luôn nỗ lực phấn đấu, nhiệt tình, trách nhiệm có nhiều sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ dạy học nên trong những năm qua nhà trường có 100% GV được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên, trong đó trong đó có trên 60% xếp loại khá, tốt theo quy định về chuẩn nghề nghiệp GV THPT [H2-2.2-05].

Hàng năm nhà trường tổ chức ít nhất 01 hoạt động trải nghiệm cho học sinh [H5-5.4-04]; Công tác định hướng, phân luồng cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm, trong năm học nhà trường thực hiện đủ theo chương trình giáo dục 09 tiết/lớp/năm [H5-5.4-05] [H1-1.10-10] ngoài việc dạy đủ số tiết theo

chương trình, nhà trường tổ chức 3 cuộc tư vấn hướng nghiệp cho HS khối 12 [H5-5.4-01] [H5-5.4-02] [H5-5.4-03] [H5-5.4-05] [H1-1.10-10] Kết quả phân luồng hướng nghiệp năm học 2019-2020, toàn trường có 381 HS khối 12, có 202 HS đi học ĐH, CĐ [H5-5.6-01]; Công tác hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học được nhà trường quan tâm, trong 3 năm liên tiếp từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020, các dự án của HS nhà trường tham gia thi khoa học cấp tỉnh đạt giải Nhất, Nhì [H5-5.1-10] [H5-5.6-05]

Mức 3:

Trong những năm qua nhà trường có tỷ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên tương đối cao hằng năm trên 80%, tuy nhiên tỷ lệ ở loại tốt còn khiêm tốn [H2-2.3-05].

Giai đoạn từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 giáo viên nhà trường tiếp cận cách viết báo cáo nghiên cứu khoa học qua việc viết 01 đề tài tốt nghiệp thạc sĩ [H2-2.2-11]; viết 04 chuyên đề giáo viên gửi cấp tỉnh được Sở GD&ĐT đánh giá đạt vòng 3 là tiền đề công nhận GVG cấp tỉnh [H2-2.2-08].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đội ngũ giáo viên trẻ năng động tích cực học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Đội ngũ GV nhà trường luôn nhiệt tình, trách nhiệm với nhiệm vụ được giao và các hoạt động chung của nhà trường.

- Trong 5 năm gần đây nhà trường không có cán bộ giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn một bộ phận giáo viên chưa thực sự đầu tư, tâm huyết với công tác giảng dạy và các hoạt động giáo dục của nhà trường .

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

* Công việc cần thực hiện:

- GV cần phát huy những điểm mạnh đã đạt được: duy trì số lượng GV đủ, ổn định đảm bảo đạt chuẩn 100%. GV trên chuẩn tăng trên 11% trở lên. Nâng cao trình độ chuyên môn cho GV hơn trong từng tháng SHCM theo nhóm bộ môn. Nhà

trường cần phát huy tinh thần đoàn kết trong tập thể CBGV, NV sự chia sẻ kinh nghiệm trong giảng dạy cũng như trong cuộc sống.

- Cần khắc phục ngay những điểm còn yếu: Xây dựng quy chế chuyên môn rõ ràng, chi tiết. Xây dựng các công cụ đánh giá giáo viên cụ thể và phù hợp.

* Biện pháp thực hiện:

BGH xây dựng kế hoạch chuyên môn từng năm học. BGH, BCH Công đoàn động viên GV tích cực tự học: Học kiến thức chuyên môn, học đồng nghiệp nâng cao tay nghề trong giảng dạy. Chú trọng công tác đổi mới phương pháp dạy học, dạy ứng dụng CNTT trong từng tiết học. BGH xây dựng lịch SHCM cụ thể cho từng nhóm bộ môn theo tháng, chú ý những tiết thao giảng có đánh giá chỉ ra điểm mạnh phát huy điểm còn hạn chế rút kinh nghiệm.

*Thời gian: Từ năm học 2020 - 2021.

* Phân công thực hiện: BGH, BCH Công đoàn, các tổ chuyên môn, GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công.

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực.

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường chưa có đủ số lượng NV có khả năng đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công. Trong đó không có NV thư viện, thủ quỹ, y tế học đường đảm bảo đủ theo Thông tư số 16/2017/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 12/7/2012 về định mức biên chế viên chức ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định hiện hành khác [H2-2.3-12].

Để nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ hành chính, hằng năm NV nhà trường được phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp, theo trình độ chuyên môn và năng lực của mỗi người. Nhà trường luôn quan tâm đến quyền lợi của từng Nhân viên nên hằng năm Nhân viên luôn được đảm bảo các quyền lợi theo chế độ chính sách hiện hành [H2-2.3-12].

Trong những năm qua NV nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-05].

Mức 2:

- NV nhà trường có trình độ đào tạo cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ nhà trường giao [H2-2.3-03].

- Hằng năm NV được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-09].

Trong những năm qua NV nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-05].

Mức 3:

- NV nhà trường có trình độ đào tạo cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ nhà trường giao [H2-2.3-04].

- Hằng năm NV được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-09].

Hằng năm NV được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm.[H2-2.3-03] [H2-2.3-10] [H2-2.3-11]

2. Điểm mạnh

Nhân viên còn trẻ, có thể đảm nhận được nhiệm vụ phân công.

Nhân viên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được phân công, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Số lượng nhân viên chưa đảm bảo về số lượng, còn thiếu nhân viên thư viện, y tế, thủ quỹ; tuổi đời còn trẻ nên kinh nghiệm chưa nhiều, thiếu tính khoa học, sáng tạo khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

* Công việc cần thực hiện:

- NV tiếp tục phát huy những điểm mạnh: Bổ sung đủ số lượng NV đáp ứng đủ nhiệm vụ hành chính nhà trường. BGH Phân công công việc cho NV theo năng lực và trình độ phù hợp nhất, tạo điều kiện cho các đồng chí luôn hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ từng năm học.

- BGH cần khắc phục những điểm yếu tồn tại: Tăng cường quán triệt quản lý, chỉ đạo nhân viên văn thư làm việc đúng chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo ngày, giờ công và hiệu quả công việc được giao.

* Biện pháp thực hiện:

- BGH hằng năm xây dựng kế hoạch cụ thể, động viên khích lệ NV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất để NV được đi học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nâng cao tay nghề.

- BGH tạo điều kiện cho NV có thời gian tự học, yêu cầu nhân viên văn thư xây dựng kế hoạch cá nhân chi tiết và kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

* Thời gian thực hiện: Từ năm học 2020 - 2021.

* Người thực hiện: BGH, NV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong 05 năm qua nhà trường tuyển học sinh hoàn thành chương trình THCS vào lớp 10 theo đúng độ tuổi quy định theo Điều lệ trường THCS, THPT và trường THPT có nhiều cấp học. Tuyển sinh học sinh vào lớp 10 là 15 tuổi. Năm học 2015-2016, tuyển sinh 378 học sinh độ tuổi 15 vào lớp 10 [H2-2.4-02]. Năm học 2016-2017, tuyển sinh 383 học sinh độ tuổi 15 vào lớp 10 [H2-2.4-02]; Năm học 2017-2018, tuyển sinh 403 học sinh độ tuổi 15 vào lớp 10 [H2-2.4-02]. Năm học 2018-2019, tuyển sinh 417 học sinh độ tuổi 15 vào lớp 10 [H2-2.4-02]; Năm học 2019-2020, tuyển sinh 414 học sinh độ tuổi 15 vào lớp 10 [H2-2.4-02]. Năm học 2020-2021, tuyển sinh 431 học sinh độ tuổi 15 vào lớp 10 [H2-2.4-02].

Hàng năm, học sinh của Nhà trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm theo quy định tại Điều 38 và Điều 41, Chương V Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học. Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, nội quy của Nhà trường, lớp [H5-5.1-12]. Kính trọng giáo viên, nhân viên và những người lớn tuổi. Không vi phạm những hành vi không được làm [H5-5.6-08].

Học sinh trong Nhà trường được đảm bảo các quyền lợi theo quy định tại Điều 39, Chương V Điều lệ trường THCS, THPT và trường Phổ thông có nhiều cấp học và các qui định khác như luật trẻ em. Tất cả học sinh trong trường đều có quyền bình đẳng như nhau, được hưởng các nội dung, chương trình giáo dục, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ học tập giống nhau, được tham gia phát triển năng khiếu văn nghệ, thể dục thể thao, rèn kỹ năng sống [H5-5.5-01] [H5-5.5-02]; được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định, đối với học sinh có chế độ chính sách, có hoàn cảnh khó khăn được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật. Những học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện được tuyên dương khen thưởng [H1-1.7-06].

Mức 2:

Trong những năm vừa qua, trường đã có những HS vi phạm các hành vi không được làm. BGH, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, GV bộ môn, GVCN phát hiện kịp thời, áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và đã có sự tiến bộ, chuyển biến tích cực [H2-2.3-03]. Nhà trường có tổ tư vấn, KH giáo dục HS cá biệt và có kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức và kỹ năng sống ngay từ đầu năm học. Chú trọng giáo dục đạo đức HS, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật cho HS, các kỹ năng cơ bản cần thiết hàng ngày, lồng ghép vào giờ chào cờ đầu tuần và các giờ sinh hoạt lớp. Qua đó đã giáo dục cảm hoá được nhiều HS cá biệt trở thành HS ngoan, có tiến bộ rõ rệt [H2-2.3-05].

Mức 3:

Nhà trường chú trọng nhân rộng gương điển hình về trong học tập, rèn luyện một cách kịp thời trước cờ, phát thanh trong tuần, khen thưởng đột xuất, cuối kì [H1-1.7-06] đã có ảnh hưởng tích cực đến thành tích của trường như giữ vững chất lượng giáo dục đại trà [H5-5.6-08], ổn định chất lượng, tăng số lượng giải học sinh giỏi các cấp [H5-5.6-04]; thi VN, TD, TT đạt kết quả cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã quan tâm chăm lo đến giáo dục đạo đức HS, đảm bảo đến các quyền của HS. Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, TDTT, vệ sinh môi trường,

ATGT, phòng chống tai nạn đuối nước tạo sân chơi bổ ích lành mạnh, góp phần quan trọng trong việc giáo dục kỹ năng sống và đạo đức HS.

3. Điểm yếu

Trường THPT Hiệp Hòa số 4 là một trường có nhiều học sinh thuộc địa bàn vùng kinh tế khó khăn. Địa bàn phân bố rộng, việc các em đến trường còn gặp nhiều khó khăn, trình độ nhận thức không đồng đều, còn hạn chế.

Khát vọng, ý chí vươn lên thoát nghèo, lập thân, lập nghiệp của học sinh nhà trường còn yếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện: Tiếp tục phát huy điểm mạnh của nhà trường trong giáo dục đạo đức HS. Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của học sinh, nâng cao chất lượng mũi nhọn, giảm tỷ lệ học sinh yếu, lưu ban. Đổi mới PHDH hiệu quả phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, UDCNTT nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Tiếp tục đưa trò chơi dân gian, hát dân ca và các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian khác vào trường học.

Người thực hiện: Nhà trường (BGH, GV, GVCN, BTĐ...), HS.

Biện pháp thực hiện: Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ với gia đình và các tổ chức trong và ngoài nhà trường để giáo dục đạo đức cho HS cụ thể: phối hợp với PHHS thông qua sổ liên lạc hoặc gọi điện trực tiếp, thông qua giấy mời họp đột xuất đối với HS cá biệt. Mỗi tháng họp PHHS một lần đối với HS chậm tiến bộ. Thăm gia đình HS tìm hiểu hoàn cảnh...Không ngừng tổ chức các HĐGD NGLL, các kế hoạch giáo dục đạo đức, kỹ năng sống có sự kiểm tra, giám sát, đánh giá của nhà trường. Từ đó đề ra biện pháp giáo dục kịp thời để đạt kết quả tốt. Tiếp tục xây dựng các tháng theo các chủ đề giáo dục HS, tháng 10: Tình bạn – Tình yêu; Tháng 11: Tôn sư, trọng đạo; Tháng 3: TN với sự nghiệp xây dựng và BVTQ... ĐTN phát động các phong trào thi đua giữa các lớp trong các đợt có đánh giá nhận xét cụ thể. Tích cực tăng cường sinh hoạt tổ chủ nhiệm, tổ GDKNS để bàn biện pháp nâng cao ý thức đạo đức của HS, giáo dục HS cá biệt, giáo dục kỹ năng sống. Tổ chủ nhiệm sinh hoạt mỗi tháng một lần theo các chuyên đề xây dựng từ đầu năm. Tổ GDKNS phối hợp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Tăng cường giáo dục kỹ năng

sống, giáo dục thể chất và chăm sóc sức khỏe; áp dụng phương pháp dạy học bằng biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực; xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa thầy và trò, giữa trò với trò; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho HS. Tăng cường cải tiến hình thức, nội dung hoạt động ngoài giờ lên lớp để thu hút học sinh vào các hoạt động vui chơi lành mạnh. Đầu tư kinh phí mua sắm dụng cụ thể thao, sân chơi bãi tập hướng các em vào các hoạt động bổ ích. Giáo dục HS học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. HS có thành tích trong học tập và rèn luyện được nhà trường khen thưởng trước lớp, trước trường, cấp giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen. HS vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập và rèn luyện có thể được khuyến răn hoặc xử lý kỷ luật theo các hình thức sau: phê bình trước lớp, trước trường, khiển trách và thông báo với gia đình, cảnh cáo ghi học bạ, buộc thôi học có thời hạn. Huy động tổ chức cá nhân hỗ trợ nguồn tài chính, học bổng những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt như: phát động CBGV, NV, HS ủng hộ tết vì HS nghèo ngay trong trường. Phân công chi hội CMHS của lớp đỡ đầu các em có hoàn cảnh khó khăn và phụ trách nhóm HS theo địa bàn dân cư để nắm bắt tình hình tốt hơn.

Thời gian thực hiện: đầu từ tháng 9 năm học 2020 - 2021.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Trong những năm học qua, dù còn nhiều khó khăn, HĐ sư phạm trường vẫn cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đoàn kết, thẳng thắn trong đấu tranh xây dựng để trường ngày càng vững chắc đi lên.

BGH có năng lực quản lý, đạt chuẩn về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, có trách nhiệm biết tận dụng trí tuệ tập thể xây dựng tốt phong trào thi đua trong nhà trường.

Số lượng HS của trường tương đối ổn định, GV đảm bảo đủ để giảng dạy các môn bắt buộc, làm công tác chủ nhiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp, GV hầu hết đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn đào tạo. Biên chế GV của trường phù hợp với quy mô HS, lớp và đặc điểm tình hình GD của địa phương.

Đa số HS ngoan, chăm học, đội ngũ HSG cấp huyện, tỉnh năm sau nhiều hơn năm trước. CMHS rất quan tâm, đầu tư cho việc học hành của con em.

Bên cạnh những ưu điểm đó nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn cần khắc phục như: Không có NV làm y tế chuyên trách, thủ quỹ, thư viện nên chưa chủ động trong công việc, một số ít HS còn ham chơi chưa thực sự có ý thức thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện trong nhà trường. Một vài chỉ số tuy được đánh giá đạt yêu cầu song cũng còn những bất cập vì tính ổn định chưa cao.

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4

+ Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 4, MĐ2: 4, MĐ3: 0)

+ Số tiêu chí không đạt: 0

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4

+ Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 4, MĐ2: 4, MĐ3: 0)

+ Số tiêu chí không đạt: 0

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4

+ Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 4, MĐ2: 4, MĐ3: 4)

+ Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Khuôn viên nhà trường khang trang, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp - thoáng mát đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học. Số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị phòng học đảm bảo quy định. Khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ tốt cho công tác quản lý, dạy và học của nhà trường. Có đủ khu nhà để xe, khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đúng quy định. Hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo tính khoa học, an toàn, đủ tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh. Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các tiết dạy - học của giáo viên và học sinh.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh.

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2 /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2 /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Nhà trường có diện tích tổng thể 24.159 m^2 , trung bình $19,8\text{ m}^2/1$ học sinh. Khuôn viên trường được trồng cây xanh, tạo môi trường thoáng mát, yên tĩnh.

- Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của nhà trường.[H3-3.1-07]

- Báo cáo sơ kết, tổng kết.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường (nếu có).[H3-3.1-02]

- Các hình ảnh liên quan (nếu có).[H3-3.1-04][H3-3.1-03][H3-3.1-03]

Trường được xây dựng trên khuôn viên riêng biệt có tường bao quanh, có cổng trường và biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường trung học.[H3-3.1-06][H3-3.1-01][H3-3.1-03]

Trường có sân chơi 3.000 m^2 . Khu vực sân chơi được trải bê tông và lát gạch đảm bảo an toàn và vệ sinh. Bãi tập nằm trong sân vận động nhà trường có diện tích 1.080 m^2 . [H3-3.1-03][H3-3.1-04]

Mức 2:

Bãi tập được trồng cỏ, nhà trường có sân bóng chuyền, bóng đá, trang thiết bị chuyên dụng.[H3-3.1-05]

Mức 3:

Nhà trường có diện tích khuôn viên 24.159 m², trung bình 19,8 m²/1 học sinh. Khuôn viên trường được trồng cây xanh, tạo môi trường thoáng mát, yên tĩnh.[H3-3.1-06][H3-3.1-07]

2. Điểm mạnh

Trường được xây dựng trên khuôn viên riêng biệt có tường bao quanh. Diện tích sân chơi rộng rãi, khuôn viên trường thoáng mát. Nhà trường có hệ thống cổng, tường bao bảo đảm an ninh trường học. Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tổ hợp sân thể thao được thiết kế, xây dựng bài bản, có khả năng tổ chức các hoạt động ngoại khóa, cắm trại cho toàn trường và có khả năng đăng cai các sự kiện cấp cụm, cấp huyện.

3. Điểm yếu

Vì được xây dựng chưa lâu nên hệ thống cây xanh chưa có nhiều bóng mát, chưa có nhiều bồn hoa cây cảnh để cảnh quan sư phạm được đẹp hơn.

Khu sân tập thể thao chưa có đường chạy bao quanh, bãi cỏ còn nhiều, hệ thống thoát nước xuống cấp, chất lượng kém.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công việc:

+ Tiếp tục xây dựng các công trình mới để thêm diện tích sử dụng.

+ Tiếp tục xây dựng đường chạy, cải tạo hệ thống thoát nước, khu vực sân vận động.

- Thời gian: trong năm 2020.

- Biện pháp thực hiện:

+ Hiệu trưởng tham mưu với Sở GD&ĐT, UBND tỉnh đầu tư kinh phí, phê duyệt kế hoạch xã hội hóa giáo dục để nhà trường thực hiện.

+ Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh phối hợp cùng đơn vị kết nghĩa lao động thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Toàn trường có 22 phòng học. Mỗi phòng được trang bị một bảng từ chống lóa; có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh theo Thông tư 26/2011//TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT, có bàn ghế của giáo viên; đảm bảo độ sáng trong phòng học; phòng học thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; đảm bảo học hai ca trong một ngày.[H3-3.2-01]

Trường có 05 phòng bộ môn: 01 phòng Vật lý - Công nghệ; 01 phòng TN Hóa- TN Sinh; 02 phòng Tin học; 01 phòng nghe nhìn được trang bị thiết bị tương tác thông minh phục vụ giảng dạy và học tập, đặc biệt phù hợp với dạy-học tiếng Anh.[H3-3.2-02]

Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn thanh niên, Công Đoàn, thư viện và phòng truyền thống để đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.[H3-3.2-03]

Mức 2:

Toàn trường có 22 phòng học. Mỗi phòng được trang bị một bảng từ chống lóa; có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh theo Thông tư 26/2011//TTLT-BGDDT- BKHCN-BYT, có bàn ghế của giáo viên; đảm bảo độ sáng trong phòng học; phòng học thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; đảm bảo học 02 ca trong một ngày.[H3-3.2-01][H3-3.2-04]

Khối phục vụ học tập gồm các phòng chức năng sau: Thư viện, Phòng nghe nhìn, phòng truyền thống, phòng hoạt động Đoàn, phòng thí nghiệm [H3-3.2-03]; đảm bảo đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường. [H3-3.2-01] [H3-3.2-04]

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. [H3-3.2-01] [H3-3.2-04]

Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Phòng học khang trang, thoáng mát, có đủ điều kiện ánh sáng, có đủ bàn ghế cho GV và HS.

Nhà trường có phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định TCVN 8794:2011, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh học tập, thực hành.

Có đầy đủ các Phòng chức năng để phục vụ cho công tác dạy và học.

Khối phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Chưa có nhà đa chức năng để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh. Một số phòng học đã xuống cấp, gạch lát nền bị vỡ, cong vênh, hệ thống bàn, ghế phòng thực hành xuống cấp, chất lượng kém. Hệ thống đồ dùng phục vụ thí nghiệm thực hành chất lượng xuống cấp.

Còn một số bộ bàn ghế học sinh sau thời gian sử dụng lâu đã kém chất lượng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công việc:

Thực hiện sửa chữa CSVC các phòng học: lát lại nền.

Nhà trường tiếp tục cho sửa chữa một số bàn ghế cũ học sinh chất lượng kém.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

- Biện pháp thực hiện: Tham mưu với Hiệu trưởng có kế hoạch mua sắm, nâng cấp và sửa chữa.

- Người thực hiện: BGH, kế toán, Hội CMHS, GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các phòng phục vụ học tập: phòng thí nghiệm, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đoàn đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục [H3-3.3-01] [H3-3.3-02]. Có máy tính, máy in, máy chiếu, tivi phục vụ công tác giảng và dạy, hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ hoạt động giáo dục. [H3-3.3-02] [H3-3.3-04] [H3-3.3-05]

Khu vực nhà xe của giáo viên, học sinh được xây dựng ở các vị trí thích hợp, đảm bảo an toàn, diện tích sử dụng phù hợp. [H3-3.3-03]

Các máy móc thiết bị khối hành chính - quản trị được định kỳ sửa chữa, bổ sung để phục vụ tốt công việc quản lý và dạy học như: máy tính, máy chiếu, máy in.... [H3-3.3-05]

Mức 2:

Khối hành chính quản trị của nhà trường có đầy đủ được bố trí theo TCVN 8794:2011. [H3-3.3-05] [H3-3.3-04]

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

2. Điểm mạnh

Các phòng phục vụ học tập đều hoạt động thường xuyên và có hiệu quả.

Hệ thống máy móc văn phòng được sử dụng và phát huy tối đa.

Nhà trường đã thuê nhân viên trông xe để đảm bảo an toàn, trật tự.

Nhà trường có kế hoạch sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị, máy móc hàng năm. Khi xảy ra sự cố hỏng được khắc phục nhanh, kịp thời phục vụ công việc.

3. Điểm yếu

Chất lượng một số máy móc phục vụ công tác quản lý và hoạt động văn phòng đã xuống cấp: máy in, máy tính. Thiết bị tương tác thông minh còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc: Tiếp tục nâng cấp một số thiết bị máy móc văn phòng và hệ thống máy chiếu, tivi, khả năng kết nối internet ngay trên phòng học.

Biện pháp:

Đề xuất với cấp trên đầu tư kinh phí mua sắm, lắp đặt hệ thống tivi thông minh tại các phòng học.

Có kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị máy móc hàng năm.

Thời gian: Năm học 2020 - 2021.

Người thực hiện: Hiệu trưởng, kế toán.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khu vệ sinh được xây dựng khoa học theo từng khu làm việc, học tập của GV và HS đáp ứng yêu cầu sử dụng của HS và GV [H3-3.4-01] [H3-3.4-02]. Mỗi tầng trong các tòa nhà đều có bố trí khu vực vệ sinh [H3-3.4-01]: phòng vệ sinh nam, phòng vệ sinh nữ riêng biệt. Khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho HS khuyết tật hòa nhập, không làm ô nhiễm môi trường. Trong khu vực vệ sinh của GV có thiết kế 1 phòng tắm. Tất cả số nhà vệ sinh được lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn TCVN 8795: 2011 phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu sử dụng nhà vệ sinh.

Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường theo đúng quy định [H3-3.4-02]. Trường THPT Hiệp Hòa số 4 có 02 giếng khơi cung cấp nước sạch cho vệ sinh và 01 hệ thống nước sạch được cung cấp bởi công ty nước sạch được cấp phép và đảm bảo các điều kiện về vệ sinh, chất lượng nước uống [H3-3.4-07]. Nước uống của CBGV, NV và HS đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của trung tâm y tế [H3-3.4-08]. Đảm bảo bình quân mỗi người có đủ nước uống theo quy định.

Mỗi lớp học đều bố trí 01 sọt rác, hành lang các tầng bố trí 02 thùng rác, trong sân trường đặt 10 thùng chứa rác. Các vị trí đặt thùng rác dễ nhìn, các thùng rác được thu gom hàng ngày và vệ sinh định kỳ theo tuần đảm bảo mỹ quan cho người sử dụng [H3-3.4-04]. Khu vực tập kết rác của toàn trường tách biệt với lối ra vào và cách khỏi nhà học 50m, ở cuối hướng gió [H3-3.4-06].

Rác thải hàng ngày được thu gom và vận chuyển tới nơi xử lý theo quy định của địa phương (nhà trường có hợp đồng thu gom rác thải). [H3-3.4-05]

Mức 2:

Khu vệ sinh được xây dựng ở vị trí phù hợp, khép kín ở từng tầng, đảm bảo thuận tiện cho nhu cầu sử dụng của HS và GV, phù hợp với cảnh quan theo quy định. [H3-3.4-01]

Hệ thống cấp nước và thoát nước được thiết kế theo Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT_BGDĐT_BYT ngày 15/05/2016 của Bộ giáo dục và Bộ y tế, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nước ăn uống theo Bộ y tế. Nhà trường có hợp đồng

cung cấp nước sạch với hộ kinh doanh sản xuất nước.[H3-3.4-02][H3-3.4-02][H3-3.4-03][H3-3.4-08]

Hệ thống thoát nước đều có nắp đậy đảm bảo quy định theo tiêu chuẩn. Nhà trường có quy định về việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đúng nơi quy định. Có hợp đồng vận chuyển rác, không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường tránh gây ô nhiễm môi trường.[H3-3.4-05][H3-3.4-06]

2. Điểm mạnh

Trường THPT Hiệp Hòa số 4 xây dựng, cải tạo các khu vệ sinh sạch sẽ và hiện đại. Đảm bảo tuân thủ các yêu cầu thiết kế, hệ thống kỹ thuật đối với các hạng mục tiêu chí đánh giá theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra.

3. Điểm yếu

Việc phân loại rác thải hiện nay tại trường THPT Hiệp Hòa số 4 chưa được thực hiện một cách triệt để, rác thải có thể tái chế và rác thải vô cơ như túi nilông hoặc một vài rác thải nguy hại như bóng đèn huỳnh quang vẫn chưa được phân loại và xử lý triệt để theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công việc: In tem biển báo dán vào các thùng đựng rác phân rõ ràng 3 loại rác thải bằng 3 loại giấy màu cụ thể:

- + Rác thải dễ hữu cơ (lá cây, thức ăn thừa, lá bánh...)
- + Rác thải có thể tái sử dụng (giấy, bìa cattong, chai nhựa...)
- + Rác thải vô cơ (túi nilông các loại, sành sứ, thủy tinh ...)

Riêng phòng làm việc của tập thể giáo GV có sử dụng mực in cần trang bị 1 thùng rác chuyên dụng để mực in thải và hộp mực in thải. Việc thay lắp các bóng đèn huỳnh quang tại trường cũng cần thu gom tập kết tại 1 vị trí quy định để định kỳ mang đi xử lý đúng quy định.

- Người thực hiện: GV phụ trách CSVC và lao động, Đoàn thanh niên và giáo viên chủ nhiệm, học sinh.

- Biện pháp thực hiện: Tuyên truyền phổ biến tới toàn thể CBGV và HS, thông báo các quy định về việc phân loại rác, xây dựng quy chế thưởng, phạt về việc thực hiện phân loại rác thải.

- Thời gian thực hiện: Từ 01/2020.

- Dự trù kinh phí: Theo thực tế các hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị.

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng (bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, máy vi tính, ti vi, máy in, scan, mạng internet...) và các thiết bị khác phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và các hoạt động giáo dục.[H3-3.5-01] [H3-3.5-04][H3-3.5-04] [H3-3.5-09] [H3-3.5-10] [H3-3.5-11]

Các thiết bị dạy học tối thiểu được trang bị khá đầy đủ phục vụ hoạt động dạy học.[H3-3.5-02] Hàng năm, nhà trường đều tiến hành mua bổ sung và tự làm thêm thiết bị đồ dùng phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập. [H3-3.5-10]Thiết bị dạy học và đồ dùng dạy học này được sắp xếp ngăn nắp, khoa học tại phòng đồ dùng chung và các phòng học bộ môn.

Hàng năm nhà trường đã chỉ đạo nhân viên phụ trách thiết bị dạy học cùng giáo viên bộ môn tiến hành kiểm kê các thiết bị đồ dùng hư hỏng và có kế hoạch sửa chữa, bổ sung, mua mới các đồ dùng TBDH vào đầu năm.[H3-3.5-04]

Mức 2:

Hiện tại nhà trường có 03 đường truyền kết nối Internet (của VNPT và Viettel). Tất cả các máy tính trong trường đều được kết nối Internet phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và công tác quản lý.[H3-3.5-11]

- Ngoài các TBDH tối thiểu nhà trường còn trang bị thêm những đồ dùng thiết bị khác phục vụ tốt cho hoạt động dạy học giảng [H3-3.5-02] [H3-3.5-06] [H3-3.5-10]. Nhân viên thiết bị chuẩn bị đồ dùng dạy học để giáo viên mượn và sử dụng TBDH, được cập nhật trong sổ theo dõi mượn trả đồ dùng, sổ báo giảng - kế hoạch sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên [H3-3.5-03 [H3-3.5-09]]. Trong những năm học gần đây giáo viên đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy để nâng cao chất lượng dạy và học. [H3-3.5-05] [H3-3.5-08]

Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tiến hành bổ sung mua mới thiết bị đồ dùng dạy học và phát động phong trào giáo viên làm mới đồ dùng dạy học. [H3-3.5-09] [H3-3.5-01]

Năm học 2019-2020 nhà trường đã đầu tư mua 7.080.200 đồng để mua bổ sung một số thiết bị đồ dùng dạy học.[H3-3.5-01] [H3-3.5-10]

Trong 5 năm học gần đây giáo viên đã làm mới được 175 đồ dùng dạy học. [H3-3.5-06]

Mức 3:

Thiết bị dạy học được đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. [H3-3.5-03] [H3-3.5-05]

2. Điểm mạnh

- Thiết bị dạy học được bảo quản trong phòng thiết bị dùng chung và các phòng học bộ môn, đáp ứng tốt yêu cầu các hoạt động dạy học.
- Hàng năm nhà trường có bổ sung mua mới các đồ dùng thiết bị dạy học góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Điểm yếu

- Một số máy tính, máy chiếu phục vụ dạy và học của giáo viên, học sinh đã xuống cấp.
- Chất lượng một số đồ dùng tự làm của giáo viên chưa hiệu quả.
- Điều kiện bảo quản một số thiết bị chưa đảm bảo (như kính hiển vi).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc:

- + Tích cực khai thác, sử dụng có hiệu quả, bảo quản tốt đồ dùng, thiết bị dạy học.
- + Thay mới, bổ sung máy tính, sửa chữa hệ thống máy chiếu.
- + Tổ chức cuộc thi làm mới đồ dùng dạy học có giá trị sử dụng.
- Thời gian: Năm học 2020-2021
- Biện pháp thực hiện:
 - + Các thiết bị dạy học được bảo dưỡng hàng tháng.
 - + Tổ chức cho giáo viên thi làm mới đồ dùng vào đầu tháng 11
- Người thực hiện: Ban giám hiệu, kế toán, giáo viên, nhân viên thiết bị đồ dùng.
- Dự trù kinh phí: 140.000.000(*Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*)

Cụ thể: Mua thêm 2 máy tính xách tay, mua thêm tivi trên phòng học, lắp đặt tủ bảo quản kính hiển vi.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện.

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn (trở lên).

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện nhà trường được trang bị đầy đủ sách, báo, tạp chí để phục vụ tối thiểu các hoạt động của nhà trường; có danh mục sách giáo khoa, danh mục sách giáo viên; có 3 loại báo gồm: Báo Giáo dục thời đại, báo Nhân dân, báo Bắc Giang và tài liệu tham khảo. [H3-3.6-01] [H3-3.6-02] [H3-3.6-03]

Thư viện mở cửa từ thứ hai đến thứ bảy hàng tuần, bắt đầu từ 8 giờ sáng đến 11 giờ trưa và từ 14 giờ đến 17 giờ [H3-3.6-04]. Nhà trường có cán bộ làm kiêm nhiệm công tác thư viện, có máy tính được kết nối Internet để CBGV, HS tra cứu

tài liệu. Tủ sách của thư viện được sắp xếp gọn gàng, có bàn ghế phục vụ cho bạn đọc. Sách của thư viện được dán mã, có tủ phích, có bảng tích kê để tra cứu tài liệu được rõ ràng. Thư viện có đầy đủ nội quy, có sổ đăng ký, sổ mượn sách, báo, tài liệu của HS và GV. [H3-3.6-05]

Định kỳ vào cuối năm học, Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo kiểm kê và làm thủ tục thanh lý các ấn phẩm rách nát, hết hạn sử dụng. [H3-3.6-07]

Mức 2:

Thư viện nhà trường được công nhận là thư viện đạt chuẩn quốc gia. [H3-3.6-08]

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến.

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có đủ các loại sách, báo, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu; hệ thống sách, tài liệu được bổ sung hàng năm.

3. Điểm yếu

Tài liệu tham khảo phục vụ công tác bồi dưỡng HS giỏi chưa phong phú; kinh phí bổ sung tài liệu cho thư viện còn hạn chế; chưa được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Việc quản lý, hoạt động thư viện chưa hiệu quả do nhân viên phụ trách thư viện đang thực hiện chế độ kiêm nhiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Biện pháp và người thực hiện:

+ Hiệu trưởng nhà trường đầu tư kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để bổ sung tài liệu tham khảo phục vụ công tác bồi dưỡng HS giỏi. Đầu tư thêm trang thiết bị tại phòng Thư viện; cải tiến chất lượng hoạt động nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về công nhận thư viện đạt chuẩn quốc gia theo qui định.

+ Cán bộ thư viện phối hợp với Đoàn TNCSHCM, các tổ chuyên môn phát động phong trào quyên góp sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, truyện, tạp chí, trong CBGV, NV và HS để bổ sung vào thư viện.

- Thời gian: Hàng tháng.
- Kinh phí: Theo nhu cầu, đề xuất hàng năm của thư viện, CB-GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường và xây dựng được cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có đủ phòng học cho 30 lớp để học 2 ca/ngày; phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế phù hợp với các đối tượng học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng viết, có nội quy học sinh niêm yết trong mỗi phòng học. Có đủ phòng thí nghiệm thực hành, phòng máy tính phục vụ dạy học. Nhà trường đã thực hiện kết nối Internet và nối mạng nội bộ để khai thác và giao dịch thông tin qua mạng. Việc quản lý cơ sở vật chất đã có quy định cụ thể, thực hiện kiểm tra đánh giá theo định kỳ hàng năm.

Thư viện của nhà trường chưa đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các tiết dạy - học của giáo viên và học sinh. Việc làm mới và mua sắm bổ sung đồ dùng thiết bị hàng năm được chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả. Thực hiện quản lý sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hàng năm đều có rà soát đánh giá để cải tiến việc sử dụng thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học cho phù hợp với từng bộ môn cũng như điều kiện thực tế của nhà trường.

Nhà trường có đủ khu nhà để xe, khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đúng quy định. Hệ thống cấp, thoát nước cho tất cả các khu đảm bảo tính khoa học, an toàn, đủ tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Giáo viên, học sinh được cấp đủ nước sạch để sử dụng. Bố trí hợp lý theo từng khu làm việc, học tập cho giáo viên, nhân viên, học sinh. Khu sân chơi, bãi tập riêng biệt, có diện tích đảm bảo; sân chơi có cây bóng mát, đảm bảo vệ sinh, an toàn cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục; có đủ thiết bị phục vụ học tập, rèn luyện thể dục thể thao của học sinh.

Mặc dù nhà trường có khu để rác thải riêng biệt nhưng chưa có hệ thống xử lý rác thải, việc thu gom rác chuyển về nơi xử lý được nhà trường triển khai từ cuối năm 2019.

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6

+ Số tiêu chí đạt: (MD1: 6, MD2: 6, MD3: 4)

+ Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để thực hiện có hiệu quả các hoạt động GD (đặc biệt là GD đạo đức học sinh) thì mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội là vô cùng quan trọng. Nhận thức rõ vấn đề đó nên trường THPT Hiệp Hòa 4 đã xây dựng chi tiết, cụ thể kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc quản lý, GD học sinh. Chính vì vậy những năm qua giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã có mối quan hệ tốt với nhau và hoạt động có hiệu quả theo quy chế và có kế hoạch hoạt động cụ thể. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động và chủ động tham mưu với các cấp Đảng ủy, chính quyền, các tổ chức địa phương, các tổ chức xã hội để huy động nguồn lực nhằm đẩy mạnh công tác GD của nhà trường. Mối quan hệ nhà trường, gia đình, xã hội đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, giúp nhà trường từng bước giữ vững và nâng cao chất lượng GD toàn diện.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ năm học 2015-2016 đến năm 2019-2020 nhà trường đã tổ chức Hội nghị phụ huynh học sinh theo lớp, khối lớp để bầu Ban đại diện phụ huynh của lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường gồm đại cha mẹ học sinh của lớp, mỗi lớp 01 đại diện. Hội nghị hội cha mẹ học sinh trường bầu ra trưởng ban, phó ban và thủ quỹ trong cuộc họp của ban đại diện cha mẹ học sinh trường đầu năm học [H1-4.1-02], được hiệu trưởng nhà trường xác nhận ban đại diện cha mẹ HS của trường. Sau khi được thành lập ban đại diện cha mẹ học sinh trường xây dựng KH, quy chế; đồng thời cùng với lãnh đạo nhà trường xây dựng quy chế phối hợp 3 môi trường để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giáo dục học sinh. Việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo đúng kế hoạch và quy chế đã đề ra [MC- sổ nghị quyết ban đại diện cha, mẹ HS]

Tại cuộc họp PHHS đầu năm học, Ban đại diện CMHS các lớp thông qua chương trình hoạt động theo năm học. Hằng năm, Ban đại diện CMHS nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động trên cơ sở thực hiện kết luận của phiên họp thứ nhất vào đầu năm học.

Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.”VD như: Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp cùng với giáo viên chủ nhiệm tổ chức có hiệu quả hoạt động ngoài giờ lên lớp, rèn kỹ năng sống cho học sinh như tổ chức trung thu [MC- sổ họp của BDD cha, mẹ HS với GVCN lớp có nội dung bàn về trung thu]; tổ chức văn nghệ [MC...]; động viên học sinh trong học tập

Mức 2:

Hàng năm, Ban đại diện CMHS các lớp và Ban đại diện CMHS nhà trường đã phối hợp cùng nhà trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục có hiệu quả như: huy động XHHGD để tăng cường CSVC, TBDH; quản lý và giáo dục HS ngoài giờ học; hoạt động trải nghiệm; khen thưởng HS đạt thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện.

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn đồng hành cùng nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học ; thực hiện đúng quy định về các khoản thu đầu năm . Hoạt động phối hợp của ban đại diện cha mẹ học sinh giúp nhà trường mua sắm thêm trang thiết bị dạy học như mua thêm....máy tính ; khen thưởng, động viên kịp thời GV và HS trong trường trong phong trào học tập của thầy và trò, phong trào hoạt động ngoài giờ và các hoạt động giáo dục khác như thi học sinh giỏi các cấp, hội thi Văn nghệ - Thể dục thể thao, sáng tạo khoa học kỹ thuật, đọc sách vì tương lai. ; ổn định tỉ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá, tốt giảm tỉ lệ HS xếp loại HK yếu

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS các lớp và Ban đại diện CMHS nhà trường hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng quản lý, giáo dục HS và tăng cường CSVC, TBDH đáp ứng nhu cầu giáo dục và giảng dạy.

3. Điểm yếu

Hồ sơ hoạt động của Ban đại diện CMHS được lưu trữ chưa đầy đủ và khoa học.

Việc phối hợp của Ban đại diện CMHS với các lực lượng xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS chưa thường xuyên và hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Biện pháp và người thực hiện:

Hiệu trưởng tiếp tục tư vấn Ban đại diện CMHS lập và lưu trữ các loại hồ sơ hoạt động bài bản, khoa học.

Hiệu trưởng tư vấn Ban đại diện CMHS phối hợp với các lực lượng xã hội (Đoàn xã, Hội Cựu chiến binh, ...) tổ chức mỗi năm từ 1-2 HĐGDNGLL để tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đạo đức cho học sinh.

Thời gian thực hiện: Hàng tháng

Dự kiến kinh phí:

Kinh phí lập hồ sơ: 200.000 đồng/năm (trích từ quỹ Ban đại diện CMHS).

Kinh phí phối hợp tổ chức HĐGDNGLL: 2.000.000 đồng/năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.”, VD như: Một trong những giải pháp thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục trong kế hoạch giáo dục của trường là công tác tham mưu với các cấp bổ sung đội ngũ [MC- duyệt biên chế hàng năm]; huy động nguồn lực xây dựng cơ sở, vật chất trang thiết bị dạy học

Nhà trường đã phối hợp với cấp ủy chính quyền địa phương, các tổ chức ban ngành đoàn thể của địa phương tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau như xây dựng, thống nhất kế hoạch hoạt động , ; qua các cuộc họp phụ huynh học sinh , qua các phương tiện truyền thông [MC-bài viết nội dung tuyên truyền; thời gian phát ...]; qua Website của nhà trường [MC- đường truy cập nhưng phải có nội dung tuyên truyền]....

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định .

Việc huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thêm trang thiết bị dạy học, động viên giáo viên, học sinh được nhà trường quan tâm và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đầu năm học, lãnh đạo nhà trường tham mưu với ban đại diện cha, mẹ học sinh huy động nguồn lực , sau khi tham mưu được sự đồng ý của ban đại diện cha nhà trường thực hiện việc huy động các nguồn lực . Trong 05 năm, từ năm học 2015-2016 nhà trường đã huy động được bộ bàn ghế bổ sung cho ...lớp học [MC- biên bản bàn giao]; huy động được ...máy tính, bổ

sung hoặc trang bị ntn? [MC- BB bàn giao]; huy động đượctiền được sử dụng bao nhiêu tiền vào sửa chữa....[MC- BB nghiệm thu công trình]; xây mới.....

Mức 2:

Hằng năm nhà trường đã tham mưu có hiệu quả với cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển bằng văn bản.

Trong từng năm học nhà trường phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên, giáo viên chủ nhiệm, phụ huynh học sinh giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật qua các buổi ngoại khóa . Tính riêng năm học 2019-2020, nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, cá nhân thực hiện được... buổi ngoại khóa, trong đó có ... buổi ngoại khóa giáo dục sức khỏe sinh sản, vị thành niên [MC- KH ngoại khóa; hình ảnh hoạt động]; có..... buổi ngoại khóa giáo dục pháp luật [MC- KH tổ chức ATGT]; có buổi ngoại khóa rèn kỹ năng sống, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh thông qua hành trình về nguồn [MC- KH tổ chức chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ hoặc chăm sóc mẹ VN anh hùng...]. Việc giáo dục truyền thống, lịch sử văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật cho học sinh còn được thực hiện qua việc tích hợp giảng dạy trong môn GDCD, lịch sử [MC- GA của GV có nội dung tích hợp...]....

Mức 3:

- Nhà trường chỉ đạo Đoàn thanh niên cho học sinh quét dọn nghĩa trang liệt sĩ Hoàng An, làm vệ sinh chăm sóc di tích lịch sử Đình Hoàng Vân, thăm và tặng quà các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. Thăm và tặng quà cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong các dịp tết Nguyên đán, Trung thu.

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.”:Trong những năm qua, từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, trường THPT ... thực sự trở thành trung tâm, văn hóa, giáo dục của địa phương. Tại ngôi trường này diễn ra các hoạt động dạy và học; các cuộc thi văn nghệ, thể thao thu hút sự tham gia của HS, Gv, các tầng lớp nhân dân ở địa phương[MC- các

hình ảnh hoạt động]. Liên tục trong năm nhà trường luôn được các cấp chính quyền công nhận cơ quan [MC- chứng nhận cơ quan văn hóa]

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương sớm nên đã nhận được sự quan tâm tạo điều kiện trong việc xây dựng CSVC và xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường.

Nhà trường nhận được sự quan tâm của nhiều cá nhân nên đã tổ chức được những hoạt động có nhiều ý nghĩa và mang tính giáo dục cao như hoạt động: Nói chuyện truyền thống nhân ngày 22/12, ủng hộ học sinh nghèo ăn tết. Tặng quà học sinh nghèo nhân dịp tết Trung thu. Tặng quà học sinh nghèo nhân dịp khai giảng năm học mới.

3. Điểm yếu

Hình thức tuyên truyền còn chưa phong phú.

Việc cập nhật lưu trữ hồ sơ còn chưa đầy đủ.

Việc phối hợp với các tổ chức đoàn thể còn chưa thường xuyên và chặt chẽ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Biện pháp và người thực hiện:

Hiệu trưởng lập kế hoạch và chọn nhiều hình thức tuyên truyền khác nhau để đạt hiệu quả cao nhất.

Hiệu trưởng và các trưởng ban ngành thực hiện cập nhật và lưu trữ hồ sơ các văn bản kế hoạch tham mưu với các cấp đầy đủ khoa học và kịp thời.

Hiệu trưởng phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể thường xuyên, có hiệu quả để giáo dục tốt nhất cho học sinh nhà trường hàng năm.

Thời gian thực hiện: Hàng tháng.

Dự kiến kinh phí: Không.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Trong những năm qua, nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, các cá nhân trong và ngoài nhà trường; chủ động tham mưu có hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và cá nhân để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường GD. Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để GD truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch GD. Đặc biệt là mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội luôn là yếu tố tích cực giúp sự nghiệp phát triển nhà trường luôn ổn định, bền vững.

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 2

+ Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 2, MĐ2: 2, MĐ3: 2)

+ Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của ngành, hàng năm nhà trường đã tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình và kế hoạch giáo dục theo quy định; tích cực đổi mới PPDH nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo của HS. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng HSG, giúp đỡ HS yếu, kém, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; thực hiện đầy đủ chương trình GD địa phương, GD hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông; GD kỹ năng sống; tích cực tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trải nghiệm thực tế; kết quả xếp loại HL, HK, tốt nghiệp THPT, phân luồng HS hàng năm đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ năm học 2015-2016 đến nay, nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo quy định và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD ngày 5/5/2006 về việc “ Ban hành chương trình giáo dục phổ thông” dạy học theo biên chế thời gian năm học, theo kế hoạch nhiệm vụ năm học của PGD&ĐT, của SGD&ĐT. Cụ thể, nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn đầy đủ, chi tiết [H5-5.1-02], [H5-5.1-20] và thực hiện kế hoạch giảng dạy theo đúng biên chế thời gian năm học [H5-5.1-06], [H5-5.1-07] công công việc cho từng thành viên trong hội đồng nhà trường theo đúng năng lực và đặc thù bộ môn [[H1-1.7-02], [H2-2.2-03]. Cùng với đó, lãnh đạo nhà trường yêu cầu giáo viên các bộ môn dựa trên khung phân phối chương trình do Bộ GD và Sở GD ban hành để xây dựng phân phối chương trình môn học của môn mình phụ trách sao cho sát với thực tế của nhà trường [H5-5.1-17]. Mỗi thành viên trong hội

đồng sự phạm nhà trường đều phải xây dựng kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, thực hiện việc dự giờ thăm lớp đầy đủ [H5-5.1-03]. Ngoài việc học các môn văn hóa, HS toàn trường còn được tham gia các hoạt động giáo dục khác như hoạt động ngoài giờ lên lớp [H5-5.1-11]; tham quan, trải nghiệm thực tế và hướng nghiệp [H5-5.4-01], [H5-5.1-21] [H5-5.4-03].

Trong các hoạt động dạy học, GV đã vận dụng các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học thông qua giờ dạy trên lớp và sinh hoạt chuyên đề của tổ như dạy học nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác nhóm, dạy học theo dự án phù hợp với đối tượng HS của từng lớp và điều kiện của nhà trường, đảm bảo mục tiêu giáo dục theo quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học và chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học [H5-5.1-22]; [H5-5.1-23]. Trong giảng dạy, GV đã chú trọng bồi dưỡng phương pháp tự học, kỹ năng làm việc nhóm cho HS: HS được giao nhiệm vụ, hoạt động cá nhân để giải quyết những vấn đề đơn giản; tổ chức hoạt động nhóm để giải quyết những vấn đề phức tạp [H5-5.1-24], ngoài ra HS còn được GV hướng dẫn thuyết minh về một vấn đề, nghiên cứu đề tài khoa học, dự án khoa học dựa vào kiến thức đã học [H5-5.1-25]. Từ đó nâng cao khả năng làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS.

Trong quá trình tổ chức dạy học nhà trường sử dụng các hình thức kiểm tra như kiểm tra miệng đầu giờ, giữa giờ hoặc cuối học; kiểm tra viết dạng tự luận, trắc nghiệm khách quan, kết hợp giữa tự luận với trắc nghiệm [H5-5.1-26]; Việc đánh giá học sinh cũng được thực hiện qua nhiều kênh như: điểm số bài kiểm tra thường xuyên, định kì hoặc của các sản phẩm báo cáo của nhóm học sinh kết hợp với đánh giá quá trình [H5-5.6-02], [H5-5.1-24]. Để đảm bảo tính khách quan, hiệu quả trong việc đánh giá học sinh, nhà trường có kế hoạch chỉ đạo việc kiểm tra định kì trong đó chỉ đạo việc xây dựng ma trận đề, sắp xếp học sinh đảm bảo số lượng/phòng hoặc xếp kết hợp học sinh giữa các khối [H5-5.1-27]. [H5-5.1-28]

Mức 2:

[Vào đầu mỗi năm học, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Sở GD-ĐT tỉnh Bắc Giang nhà trường yêu cầu các tổ chuyên môn xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với các đối tượng học sinh: xây dựng phân phối chương trình đối với từng

lớp [H5-5.1-16],[H5-5.1-17],[H5-5.1-29] . Dạy học phân hóa, đáp ứng yêu cầu nhận thức của học sinh [H5-5.1-15],[H5-5.3-02].Việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học của nhà trường được bảo đảm đúng, đủ theo quy định, không cắt xén, đảo lộn chương trình [H5-5.1-07]

Nhà trường đã phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu (các môn thể thao, nghiên cứu sáng tạo khoa học kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận); phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện[H5-5.1-04],[H5-5.2-02]

Mức 3:

Việc thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các HĐGD nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS hằng năm được tổ chức vào hội nghị sơ kết, tổng kết tổ, Hội đồng giáo dục nhà trường [H2-2.3-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đúng, đủ nội dung, chương trình dạy học và các HĐGD theo quy định; đã thực hiện rà soát, phát hiện và tổ chức bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS có hoàn cảnh khó khăn, HS gặp khó khăn trong học tập; đã xây dựng được phân phối chương trình chi tiết phù hợp với từng đối tượng HS và điều kiện thực tiễn của nhà trường. Đa số GV đã đổi mới PPDH, KTDH, hình thức dạy học theo chỉ đạo và hướng dẫn của ngành.

3. Điểm yếu

Việc dự giờ, thăm lớp của BGH, tổ chuyên môn chưa được thường xuyên. Việc bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS của một số GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Biện pháp và người thực hiện:

+ BGH, tổ chuyên môn tăng cường dự giờ thăm lớp để đánh giá việc đổi mới PPDH của GV sát thực hơn. Tổ chuyên môn tăng cường SHCM theo hướng nghiên cứu bài học 2-3 lần/học kỳ.

+ Hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn định kỳ hàng tháng rà soát, đánh giá kết quả đổi mới PPDH trong các cuộc họp hội đồng sư phạm, SHCM.

- Thời gian thực hiện: Hằng tháng.

- Dự kiến kinh phí: Không.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn[H5-5.2-11], học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện[H5-5.2-02]

Tổ chức thực hiện đảm bảo kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện[H5-5.2-11][H5-5.2-02],[H5-5.2-03].

Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.[H5-5.2-11],[H5-5.2-09][H5-5.2-02]

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục[H5-5.2-03], .

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn thể thao, nghiên cứu sáng tạo khoa học kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận[H5-5.6-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện các giải pháp bồi dưỡng HSG, phụ đạo những HS có hoàn cảnh khó khăn và HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Đội ngũ GV nhiệt tình, trách nhiệm và có phương pháp rèn luyện đối với học sinh; biết động viên, khích lệ HSG, HS có hoàn cảnh khó khăn và HS khuyết tật vươn lên trong học tập.

Hằng năm, nhà trường đều có HS đạt giải trong các cuộc thi, hội thi do Sở GD&ĐT tổ chức.

3. Điểm yếu

Hoạt động của một số CLB, HSG và một số lớp phụ đạo HS có hoàn cảnh khó khăn, HS gặp khó khăn trong học tập tính hiệu quả chưa cao, chưa thường xuyên, một số nội dung trong kế hoạch thực hiện chưa đảm bảo. Chất lượng các cuộc thi chọn HSG văn hóa cấp tỉnh chưa ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Biện pháp và người thực hiện:

+ Phó hiệu trưởng định kỳ hằng tháng rà soát, đánh giá kết quả bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

+ Hiệu trưởng bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để bổ sung thêm tài liệu tham khảo bồi dưỡng HSG; tăng mức thưởng để động viên, khích lệ GV và HS có thành tích xuất sắc trong công tác bồi dưỡng HSG, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

- Thời gian thực hiện: Hằng tháng.

- Dự kiến kinh phí:

+ Kinh phí trang bị tài liệu: 2.000.000 đồng/năm;

+ Kinh phí khen thưởng: Tăng 15% số tiền thưởng/năm so với mức hiện nay đang áp dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch.

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo kế hoạch[H5-5.3-01]. Nội dung giáo dục địa phương được tổ chức giảng dạy thành

các tiết quy định trong phân phối chương trình đối với các môn: Lịch sử, Địa lý và lồng ghép vào nội dung bài học đối với các môn học khác[H5-5.3-02].

Nhà trường đã thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả[H5-5.3-03].

Nhà trường hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương[H5-5.3-03].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn[H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương đầy đủ, đúng quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản chỉ đạo của UBND huyện Hiệp Hòa, Huyện ủy Hiệp Hòa, Sở GD&ĐT với nhiều hình thức tổ chức dạy học, góp phần nâng cao hiểu biết và tự hào của HS về quê hương Bắc Giang.

3. Điểm yếu

Tài liệu về giáo dục địa phương còn ít, chưa được cập nhật thường xuyên. Việc đánh giá, cập nhật tài liệu giảng dạy nội dung giáo dục địa phương chưa thường xuyên. Nhận thức của một số GV, HS về nội dung giáo dục địa phương còn hạn chế nên kết quả dạy, học chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Biện pháp và người thực hiện:

+ BGH rà soát, đánh giá việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương 2 lần/năm (cuối học kỳ 1 và cuối năm học); tăng cường tổ chức các HĐGD NGLL để GV và HS được trải nghiệm thực tế.

+ GV và HS sưu tầm, bổ sung thêm tài liệu về nội dung giáo dục địa phương cập nhật trong giáo án và thư viện.

- Thời gian: Cuối học kỳ và cuối năm học.

- Kinh phí: Thực hiện trích ngân sách nhà nước 1.500.000 đồng/năm để bổ sung tài liệu và tổ chức các hoạt động tham quan, trải nghiệm về chuyên đề giáo dục địa phương trên địa bàn huyện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm,[H5-5.4-01][H5-5.4-02] hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường[H5-5.4-05].

Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch[H5-5.4-04].

Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp[H5-5.4-05].

Mức 2:

Trong các năm học gần đây trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực[H5-5.4-02], [H5-5.4-04]

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm đánh giá điểm mạnh điểm yếu trong cách thức tổ chức và hiệu quả giáo dục[H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch hoạt động hằng năm đầy đủ. Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phong phú.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật và lưu trữ hồ sơ hoạt động trải nghiệm của học sinh chưa đầy đủ và khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Biện pháp và người thực hiện:

+ BGH tiếp tục tổ chức ít nhất 2 hoạt động trải nghiệm/năm học với nhiều hình thức đa dạng, phong phú để thu hút học sinh tích cực tham gia.

+ BTĐ, GVCN, GV phụ trách công tác hướng nghiệp thực hiện cập nhật và lưu trữ hồ sơ các hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm đầy đủ khoa học và kịp thời.

- Thời gian: Hằng tháng.

- Dự kiến kinh phí: Không.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm thực hiện. Trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, cuộc thi “Hành trình tri thức” ngoại khóa của Đoàn Thanh niên, của các tổ chuyên môn thường xuyên thực hiện giáo dục các kỹ năng: Giáo dục các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh[H1-1.10-10]; rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông; cách tự phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích khác; thông qua việc thực hiện các quy định về cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau; Làm tốt công tác giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất và tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh[H5-5.5-01],[H5-5.5-02].

Quá trình thực hiện rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo

dục. Trong nhiều năm qua, nhà trường không có học sinh vi phạm pháp luật, đa số học sinh tiếp cận xã hội tốt, hành vi và ứng xử đúng mực[H5-5.5-02],[H5-5.5-01]

Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.[H5-5.5-02]

Mức 2:

Trong các hoạt động giáo dục và dạy học, giáo viên đã thực hiện hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân mình thông qua việc tự nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động học tập, kết quả thực hiện nội quy học sinh[H1-1.5-04].

Bước đầu, đa số học sinh đã biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn ở mức phát hiện được vấn đề thực tiễn, áp dụng kiến thức được học vào thực tiễn sản xuất, sinh hoạt hàng ngày ở gia đình, chăm sóc sức khỏe bản thân. Một số học sinh có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tiễn tạo ra các sản phẩm phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường.[H5-5.5-02]

Mức 3:

Đã có một số học sinh thực hiện nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn và đã có sản phẩm đạt giải cao trong cuộc thi sáng tạo khoa học kĩ thuật (02 giải nhất, 01 giải nhì cấp tỉnh và đã được chọn làm sản phẩm thi cấp quốc gia) từ năm học 2016 – 2017 đến năm học 2018 – 2019 trường đã có học sinh đạt giải cấp tỉnh trong cuộc thi Vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các tình huống thực tiễn[H5-5.1-05],[H5-5.6-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch hoạt động hằng năm đầy đủ và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Các HĐGD kỹ năng sống được tổ chức thường xuyên và thu hút được sự quan tâm của HS.

HS có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ, có sản phẩm đạt giải trong cuộc thi sáng tạo KHKT các cấp.

3. Điểm yếu

Việc cập nhật và lưu trữ hồ sơ, kế hoạch của nhà trường chưa đầy đủ, khoa học.

Điều kiện CSVC, kinh phí, phương tiện giáo dục dành cho nội dung này còn hạn chế nên một số HĐGD kỹ năng sống chưa được thực hiện đúng kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Biện pháp và người thực hiện:

+ GVCN, BTĐ thực hiện cập nhật và lưu trữ hồ sơ, hình ảnh tư liệu về giáo dục kỹ năng sống đầy đủ, khoa học, kịp thời.

+ BGH tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế, tổ chức các cuộc thi, trò chơi trong năm học để rèn kỹ năng sống cho HS;

- Thời gian: Hằng tuần.

- Kinh phí: Xây dựng dự toán kinh phí chi cho các hoạt động giáo dục kỹ năng sống tăng 5% so với hiện tại từ nguồn ngân sách nhà nước để trang bị thêm phương tiện, thiết bị tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.[H5-5.6-08]

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.[H5-5.6-01][H5-5.6-06]

Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.[H5-5.6-01]

Mức 2:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Chất lượng mũi nhọn, chất lượng đại trà có nhiều chuyển biến tích cực [H5-5.6-04][H5-5.6-07][H5-5.6-08].

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp trên 97% [H5-5.6-06]

2. Điểm mạnh

Kết quả xếp loại HL, HK; tỷ lệ HS lên lớp, tốt nghiệp THPT, bỏ học, lưu ban đạt yêu cầu kế hoạch; tỷ lệ HS lên lớp có chuyển biến tích cực trong 5 năm qua, tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban thấp.

Nhà trường đã làm tốt công tác tư vấn hướng nghiệp cho HS. Kết quả thực hiện phân luồng HS sau tốt nghiệp THPT đạt cao.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ HS xếp loại HL giỏi chưa ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công việc cần thực hiện:

+ Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn đổi mới nội dung, hình thức SHCM có hiệu quả; bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới dạy học (ti vi, hóa chất, dụng cụ thực hành, tranh ảnh, bản đồ, ...).

+ BGH, tổ trưởng chuyên môn thường xuyên kiểm tra giáo án, dự giờ lên lớp để đánh giá hiệu quả đổi mới PPDH, KTDH và hình thức hoạt động dạy học của GV.

- GVCN, GVBM tích cực phối hợp với PHHS quan tâm, động viên, tạo điều kiện cho HS học tập có hiệu quả.

- Thời gian thực hiện: Hằng tuần.

- Dự kiến kinh phí: Thực hiện trích từ ngân sách nhà nước và quỹ xã hội hóa giáo dục 30 triệu đồng/năm để bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy- học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện tốt các HĐGD, chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định của ngành; chú trọng làm tốt công tác bồi dưỡng phương pháp tự học, tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện cho HS; đổi mới PPDH để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đa số HS ngoan, có ý thức học tập và rèn luyện nên kết quả xếp loại HK, HL đều đạt kế hoạch đề ra. Trong 5 năm qua, nhà trường có nhiều HS đạt giải trong các kỳ thi chọn HSG, VHVN, TDTT, Vận dụng kiến thức liên môn giải quyết tình huống thực tiễn và sáng tạo KHKT các cấp. Các HĐGD NGLL, trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục đạo đức và rèn kỹ năng sống thu hút học sinh tham gia tích cực, hiệu quả. Tuy nhiên, kết quả hoạt động đổi mới PPDH, KTDH còn hạn chế.

- + Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6
- + Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 6, MĐ2: 6, MĐ3: 3)
- + Số tiêu chí không đạt: 0

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 6: Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận:

- + Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6
- + Số tiêu chí đạt: 0
- + Số tiêu chí không đạt: 6

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3;

- + Mức 1: Đạt 28 chiếm 100%;
- + Mức 2: Đạt 28 chiếm 100%;
- + Mức 3: Đạt 17 chiếm 85%;
- + Không đạt 0 chiếm 0%;

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4;

- + Đạt 0 chiếm 0%;
- + Không đạt 6 chiếm 100%;

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 2;
- Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2;
- Các kết luận khác: - Số lượng và tỷ lệ phần trăm các Tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3;
 - + Mức 1: Đạt 28 chiếm 100%;
 - + Mức 2: Đạt 28 chiếm 100%;
 - + Mức 3: Đạt 17 chiếm 60.7%;
 - + Không đạt 0 chiếm 0%;
- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các chỉ số đạt và không đạt Mức 4;
 - + Đạt 0 chiếm 0%;
 - + Không đạt 6 chiếm 100%;
- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Cấp độ 2;
- Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2;
- Các kết luận khác: Trên đây là kết quả của quá trình TĐG chất lượng cơ sở GD của tập thể CB, GV, NV trường THPT Hiệp Hòa số 4 mà đại diện là các thành viên trong HĐ TĐG. Báo cáo TĐG của trường được hoàn thành là thành quả của quá trình lao động nghiêm túc, là một công trình khoa học, sự tập trung trí tuệ cao nhất, sự đồng lòng hợp sức của CB, GV, NV cùng quyết tâm vượt khó khăn hoàn thành nhiệm vụ TĐG chất lượng GD. Bộ hồ sơ đánh giá là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất chất lượng GD của nhà trường, là minh chứng về những thành quả của sự lao động miệt mài, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu trong công tác quản lý nhà trường và trong hoạt động GD toàn diện của tập thể sư phạm, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng GD, từng bước khẳng định vị thế và uy tín của nhà trường.

Từ kết quả của việc TĐG, cán bộ GV và NV nhà trường đã có điều kiện nhìn lại chặng đường đã qua của chính mình. Từ đó thấy rõ những mặt mạnh cần phát

huy và những tồn tại cần khắc phục để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới GD.

Đối chiếu với nội dung Điều 6; khoản b, mục 2; Điều 34 và Điều 37 của Thông tư số 18/2018/TT-BGD&ĐT, ngày 22/08/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, quá trình TĐG của đơn vị đạt được kết quả như sau:

- Tổng số các chỉ báo đạt mức 1: 84/84, tỷ lệ: 100%
- Tổng số các chỉ báo đạt mức 2: 45/45, tỷ lệ: 100%
- Tổng số các chỉ báo đạt mức 3: 9/24, tỷ lệ: 37, 5%

Trường THPT Hiệp Hòa số 4 TĐG nhà trường đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 2 và đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

Trường THPT Hiệp Hòa số 4 trân trọng báo cáo./.

Hiệp Hòa, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đức Thiệu

Phần IV

PHỤ LỤC

